

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

BÀI DỰ THI
GIẢI THƯỞNG TOÀN QUỐC VỀ
THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI LẦN THỨ XI

**TÁC PHẨM: VIỆT NAM TỪ “KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP – TỰ
DO” ĐẾN “KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH”**

Bài 1: *Từ bóng đêm nô lệ đến bình minh độc lập;*

Bài 2: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954);*

Bài 3: *Chủ tịch Hồ Chí Minh linh hồn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975);*

Bài 4: *Thập kỷ thử thách, bản lĩnh và bước ngoặt “Đổi mới” (1976 – 1986);*

Bài 5: *Việt Nam hành trình đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững (1986 – đến nay).*

TÁC GIẢ: VƯƠNG XUÂN NGUYỄN

(Đơn vị: Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam)

Hà Nội, tháng 07 năm 2025

Việt Nam từ “Kỷ nguyên độc lập - tự do” đến “Kỷ nguyên vươn mình”: - Bài 1: Từ bóng đêm nô lệ đến bình minh độc lập!

Hướng đến Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/09/1945 - 02/09/2025), chúng ta cùng tự hào nhìn lại hành trình đi tìm đường cứu nước và lãnh đạo cách mạng “Từ bóng đêm nô lệ đến bình minh độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khát vọng giữa đêm dài

Việt Nam, vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chìm trong một bóng đêm tưởng chừng như vô tận. Khắp nơi, tiếng rên xiết của người dân dưới gót giày thực dân hòa lẫn với tiếng roi vọt của bọn cường hào. Làng quê xơ xác, ruộng đồng hoang hóa, những gia đình ly tán vì sưu cao thuế nặng. Cuộc sống nô lệ nghiệt ngã không chỉ trói buộc thể xác mà còn đè nén cả tinh thần của một dân tộc vốn dĩ yêu tự do.



Tranh Nguyễn Sinh Cung học khai tâm của họa sĩ Văn Giáo.

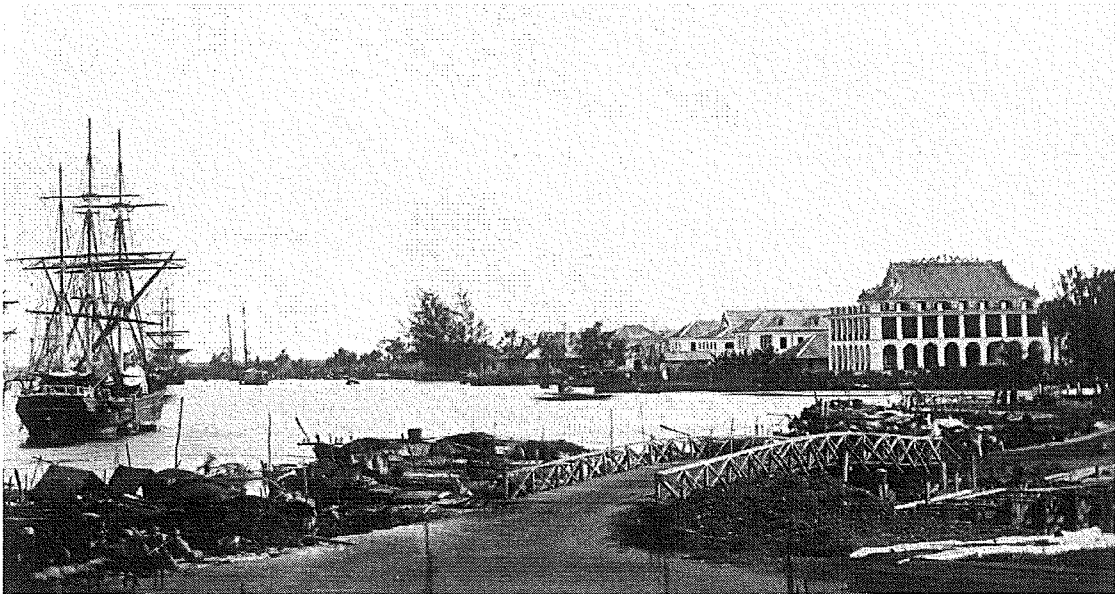
Giữa bối cảnh bi thương ấy, tại một làng quê nghèo xứ Nghệ, có một chàng trai trẻ mang tên Nguyễn Sinh Cung, người không sinh ra trong nhung lụa, nhưng được thừa hưởng một gia tài quý giá hơn cả vàng bạc. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn của một gia đình nhà nho xứ Nghệ, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Từ thuở ấu thơ, chàng trai Nguyễn Sinh Cung đã thấm đẫm những lời răn dạy của cha, người học rộng tài cao, luôn đau đáu với vận mệnh nước nhà. Người đã tận mắt chứng kiến cảnh dân chúng đói khổ, lầm than, những cuộc nổi dậy bị đàn áp đẫm máu. Hình ảnh người mẹ

hiền tận tụy, tảo tần nuôi con trong khổn khổ, rồi sớm lìa trần vì bệnh tật, càng khắc sâu vào lòng Người nỗi đau mất mát và ý chí phải làm một điều gì đó cho đất nước.

Ngay từ thuở thiếu thời, lòng Người đã hướng về một điều duy nhất: phải cứu lấy giống nòi. Người đọc sách, suy ngẫm về những cuộc khởi nghĩa thất bại, những con đường cứu nước đã đi qua nhưng không thành. Trong lòng chàng thanh niên ấy, chủ nghĩa yêu nước không chỉ là một khái niệm trừu tượng, mà là một ngọn lửa cháy bỏng, thôi thúc Người không ngừng tìm tòi, suy tư. Người biết, con đường cứu nước cũ đã không còn hiệu quả. Cần một lối đi mới, một ánh sáng mới.

Cuộc hải trình định mệnh

Và rồi, một buổi sáng mùa hè năm 1911, tại bến cảng Sài Gòn tấp nập, tiếng còi tàu dài náo nùng như xé tan màn sương sớm. Trên boong con tàu cũ kỹ mang tên Đô đốc Latútso Torêvin, chàng thanh niên ấy, mang cái tên khai sinh Nguyễn Tất Thành, đứng lặng lẽ. Ánh mắt Người không hướng về phía chân trời xa xăm, mà như đang ôm trọn lấy mảnh đất quê hương dần chìm vào xa khuất. Người rời đi với duy nhất một hành trang: trái tim sục sôi nhiệt huyết cứu nước, một trí tuệ thiên phú đang nhen nhóm, cùng nhãn quan sắc bén kế thừa từ bao thế hệ cha ông. Biển cả mênh mông mở ra trước mắt, hứa hẹn một cuộc hành trình đầy gian nan nhưng cũng chứa đựng niềm hy vọng.

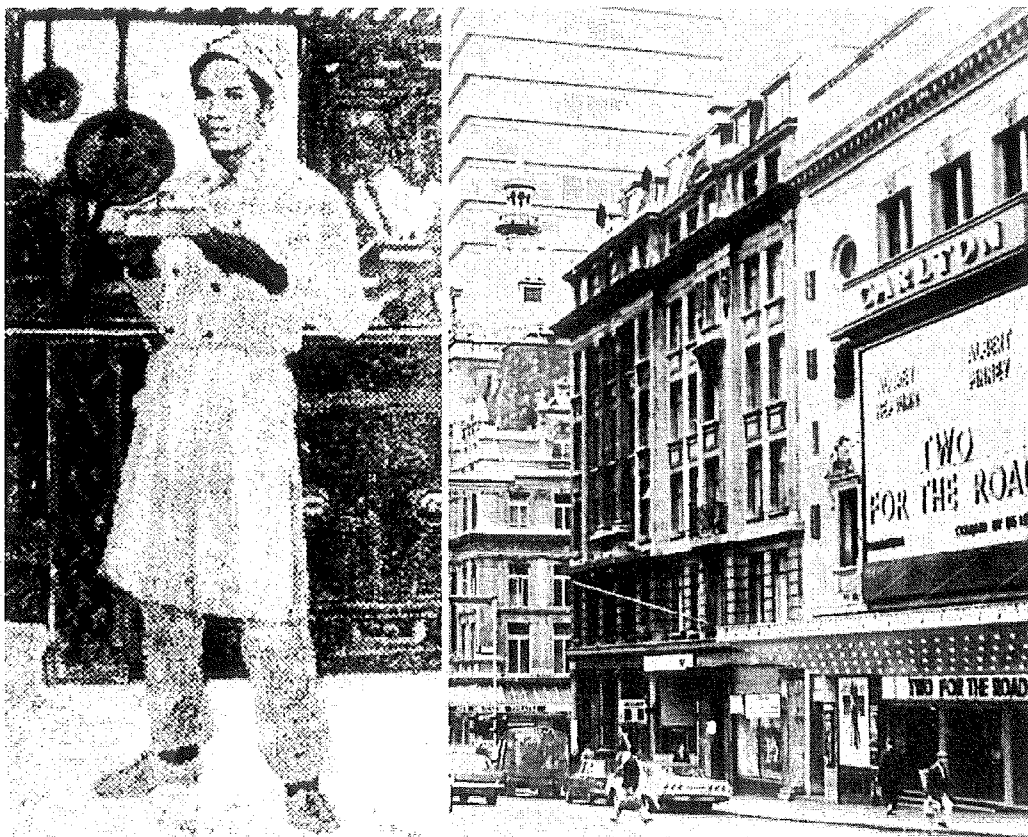


Bến Nhà Rồng đầu thế kỷ XX. Từ nơi này, ngày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc trên con tàu Đô đốc Latouche-Tréville để thực hiện hoài bão giải phóng nước nhà khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc. Ảnh: Tư liệu TTXVN.

Con tàu đưa Người qua những vùng biển xa lạ. Đến tháng 7 cùng năm đó, con tàu cập cảng Mác-Xây. Dọc đường, Người đã đặt chân lên Côlômbô, ghé qua Poxait, rồi đến một số quốc gia ở châu Phi, châu Mỹ. Cuộc sống nơi đất khách đầy thử thách. Người làm đủ mọi nghề để mưu sinh: phụ bếp trong những nhà hàng sang trọng, cào tuyết trên vỉa hè lạnh giá, hay thợ đốt lò trên những con tàu lớn. Mỗi công việc, mỗi mảnh đời Người gặp gỡ đều là một bài học vô giá, giúp Người thấu hiểu sâu sắc hơn bản chất của sự bóc lột, áp bức và khát vọng tự do cháy bỏng của những người cùng khổ. Giữa năm 1913, Người đặt chân đến nước Anh, tiếp tục trải nghiệm và tích lũy tri thức, trước khi trở lại nước Pháp vào cuối năm 1917.

Ánh sáng chân lý và cái tên lịch sử

Những năm tháng ở Pháp, Người không ngừng tìm tòi. Đầu năm 1919, Người tham gia vào một Đảng Xã hội, hòa mình vào dòng chảy chính trị của thời đại. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất vừa kết thúc, một Hội nghị lớn của các nước đế quốc diễn ra tại Véc-xây, từ giữa tháng 6 năm 1919. Rất nhiều dân tộc đang bị áp bức, trong đó có quê hương của Người, từng nuôi hy vọng vào những lời tuyên bố mỹ miều về "quyền tự quyết của các dân tộc". Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Người đã cùng hai đồng chí khác thảo nên bản Yêu sách của nhân dân An Nam, một bản yêu sách tám điểm. Trong đó, nổi bật là yêu cầu các cường quốc phải thừa nhận quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Dưới bản Yêu sách, lần đầu tiên, Người dùng cái tên Nguyễn Ái Quốc. Dù không được chấp nhận, nhưng bản Yêu sách ấy đã gây chấn động mạnh mẽ, mở đầu cho một hành trình đấu tranh cách mạng đầy bản lĩnh. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc còn khéo léo chuyển thể bản Yêu sách thành thể thơ lục bát và song thất lục bát với tên gọi "Việt Nam yêu cầu ca", lan tỏa sâu rộng trong lòng kiều bào và người Việt trong nước.



Chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp ở khách sạn Carlton tại nước Anh, năm 1913.

Ảnh tư liệu

Định mệnh đã mỉm cười vào một ngày hè tháng 7 năm 1920, khi Nguyễn Ái Quốc đọc được "Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa". Từng câu, từng chữ như ánh chớp xuyên qua màn đêm u tối trong tâm trí Người. Nó giải đáp mọi băn khoăn bấy lâu, chỉ rõ con đường giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản. Ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã bùng lên trong tâm hồn Người như một ngọn hải đăng giữa biển khơi, dẫn lối cho cuộc đời Người. Chỉ vài tháng sau, vào tháng 12 năm 1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã dứt khoát bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam.



Năm 1920, chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tours với tư cách đại biểu Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Ảnh tư liệu

Từ đây, Nguyễn Ái Quốc không ngừng lao động, hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc các thuộc địa, phong trào công nhân. Người miệt mài nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới. Người đặc biệt nhận thấy, "chỉ có cách mạng Nga là thành công đến nơi" vì đã đem lại quyền lợi cho đông đảo công nông, và nguyên nhân chính là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Bôn-sê-vích do Lênin đứng đầu.

Xây dựng nền móng vững chắc cho tương lai

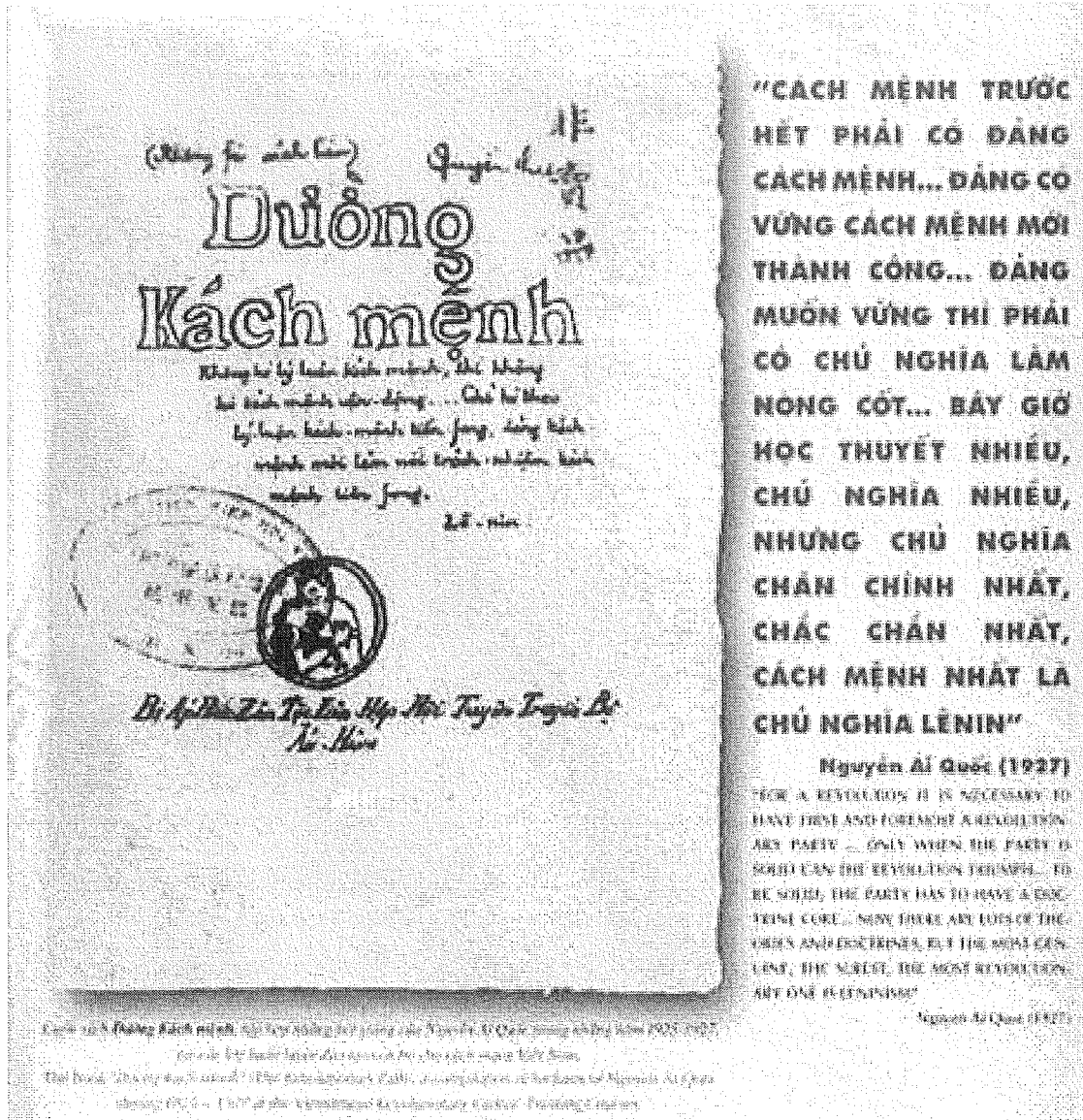
Từ năm 1921 đến tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc dấn thân vào nhiều hoạt động sôi nổi: Người thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, tham dự các Đại hội quan trọng của Đảng Cộng sản Pháp, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút Báo Người cùng khổ – tờ báo đấu tranh mạnh mẽ cho quyền lợi của các dân tộc bị áp bức. Ngày 13 tháng 6 năm 1923, Người rời Pháp, và đến ngày 30 tháng 6 năm 1923, Người đặt chân đến Xanhpêtéc-bua (Liên Xô).

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1923 đến tháng 10 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế, bổ sung và phát triển lý luận về cách mạng thuộc địa. Người tham gia Quốc tế Nông dân, Đại hội Quốc tế Công hội đỏ, Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên, đồng thời tiếp tục viết nhiều sách báo tuyên truyền cách mạng, và hoàn thành tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" đầy sức tố cáo. Người còn học tập tại trường Đại học phương Đông và tham gia Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản.

Vào tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, vào tháng 6 năm 1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trực tiếp mở các lớp huấn luyện cán bộ, và ra Báo Thanh niên vào ngày 21 tháng 6

năm 1925, tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam, nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng.

Chính tại Quảng Châu này, Người đã gặp gỡ và giác ngộ nhiều thanh niên yêu nước xuất sắc, những người sau này trở thành trụ cột của cách mạng. Trong số đó có Phạm Văn Đồng, một trí thức trẻ đầy nhiệt huyết. Dù chưa gặp trực tiếp Võ Nguyên Giáp vào thời điểm này, nhưng thông qua những hoạt động, những bài giảng của Người được truyền bá về nước, tư tưởng cách mạng đã bắt đầu kết nối những tâm hồn yêu nước. Họ được hun đúc bởi lý tưởng chung, sẵn sàng cống hiến cho con đường giải phóng dân tộc.



Tác phẩm "Đường Kách mệnh" xuất bản năm 1927. Ảnh tư liệu

Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc được tập hợp và in thành tác phẩm "Đường Kách mệnh", xuất bản vào năm 1927, được phát hành rộng rãi về Việt Nam. Cuốn sách khẳng định rõ ràng: cách mạng trước tiên cần có Đảng cách mạng vững mạnh, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt. Người còn nhận ra chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là động lực lớn của phong trào giải phóng dân tộc, và Đảng Cộng sản chính là đội tiên phong. Từ mùa hè năm 1927, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hành trình qua Liên Xô, Đức, Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ, Italia, Xiêm (Thái Lan), rồi trở lại Trung Quốc vào cuối năm 1929, luôn giữ vững liên lạc và chỉ đạo cách mạng.

Đảng lãnh đạo và cuộc trở về định mệnh

Từ ngày 6 tháng 1 đến 7 tháng 2 năm 1930, tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự kiện này mang ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại: sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ bế tắc về đường lối, khủng hoảng về lãnh đạo của cách mạng Việt Nam.



Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3/2/1930. Ảnh chụp lại tranh của họa sĩ Phi Hoanh (Ảnh: Bảo tàng Lịch sử Quốc gia).

Ngay sau khi Đảng ra đời, từ năm 1930 đến 1941, dù Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động ở nước ngoài, nhưng dòng chảy cách mạng trong nước đã không ngừng cuộn chảy dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Đây là thời kỳ của những cao trào cách mạng có ý nghĩa to lớn, chuẩn bị cho thắng lợi cuối cùng.

Đầu tiên là Cao trào cách mạng 1930 - 1931, mà đỉnh cao là Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Ngọn lửa căm thù bùng lên từ lòng dân đã làm rung chuyển chế độ thống trị của đế quốc Pháp và bè lũ tay sai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng cách mạng đã vùng dậy mạnh mẽ, trừng trị bọn cường hào, phản động, tay sai thực dân Pháp, và lần đầu tiên trong lịch sử, thiết lập được chính quyền cách mạng ở một số nơi theo hình thức Xô Viết. Dù bị đàn áp dã man, cao trào này đã khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam do Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn, để lại những bài học quý báu về xây dựng liên minh công - nông, về xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, và quan trọng nhất là về cách phát động phong trào quần chúng đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền.

Tháng 6 năm 1931, Người bị nhà cầm quyền Anh bắt giam ở Hồng Kông. Cuối năm 1932, Người được trả tự do. Những năm từ 1934 đến 1938, Nguyễn Ái Quốc (có lúc được gọi là P.C.Lin trong một giai đoạn) tiếp tục hoạt động tại Liên Xô, học tại Trường Quốc tế Lênin, công tác tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, và dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản vào ngày 31 tháng 3 năm 1935.



L'Humanité thứ Sáu 19 tháng Sáu 1931 (năm thứ 28, n° 11875)
Source : <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k403934z>

Thông báo của cảnh sát Anh ở Thượng Hải về việc đã bắt được người Cộng sản An Nam Nguyễn Ái Quốc, Ảnh tư liệu

Cùng lúc đó, trong nước, là Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939). Trong bối cảnh chính quyền Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp, Đảng đã khéo léo lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp. Bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, dưới sự chỉ đạo tài tình của Đảng, chính quyền thực dân buộc phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ. Hàng triệu quần chúng được giác ngộ về chính trị, trở thành một lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng. Giai đoạn này, Đảng ta đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm vô giá trong việc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, kinh nghiệm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh một cách công khai, hợp pháp, những bài học sẽ được phát huy tối đa khi thời cơ đến.

Tháng 10 năm 1938, Người rời Liên Xô đến Diên An (Trung Quốc), sau đó bắt liên lạc với tổ chức Đảng, chuẩn bị về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Chính trong những ngày tháng hoạt động ở nước ngoài này, Người đã có những cuộc gặp gỡ quan trọng với những nhân vật chủ chốt từ trong nước gửi ra hoặc đã giác ngộ cách mạng. Những cuộc gặp gỡ ấy không chỉ là sự trao đổi, truyền đạt đường lối mà còn là sự kết nối sâu sắc giữa tầm nhìn chiến lược của Người với thực tiễn cách mạng đang sục sôi ở quê nhà. Đồng chí Phạm Văn Đồng, sau một thời gian hoạt động ở trong nước và được cử đi học tập, đã có cơ hội được trực tiếp gặp Người ở nước ngoài, được Người trực tiếp chỉ bảo, truyền đạt những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối giải phóng dân tộc.



Bác Hồ về nước ngày 28/01/1941. Tranh: Trịnh Phòng.

Và rồi, Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945) đã bùng nổ trong nước, khi Chiến tranh thế giới thứ hai lan rộng, tạo nên thời cơ ngàn năm có một. Cuộc hành trình dài đằng đẵng của chàng thanh niên ra đi năm xưa, giờ đã là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, kéo dài hơn ba thập kỷ. Ngày 28 tháng 1 năm 1941 (tức ngày mùng hai Tết Tân Ty), Người vượt qua mốc 108 (nay là cột mốc 675) biên giới Việt Nam - Trung Quốc, về đến Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ba mươi năm bôn ba, tìm đường cứu nước, kiên trì chiến đấu, bản lĩnh và trí tuệ của Người đã giải đáp sáng tỏ những câu hỏi lớn nhất của dân tộc, mở ra con đường giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Sự trở về của Người không phải là sự kiện đơn lẻ, mà là đỉnh cao của một quá trình chuẩn bị dài hơi, với những hạt giống cách mạng đã được gieo trồng và kết nối ngay từ nước ngoài, cùng với những cao trào cách mạng liên tục trong nước do Đảng lãnh đạo.

Ánh sáng bình minh và kỷ nguyên độc lập

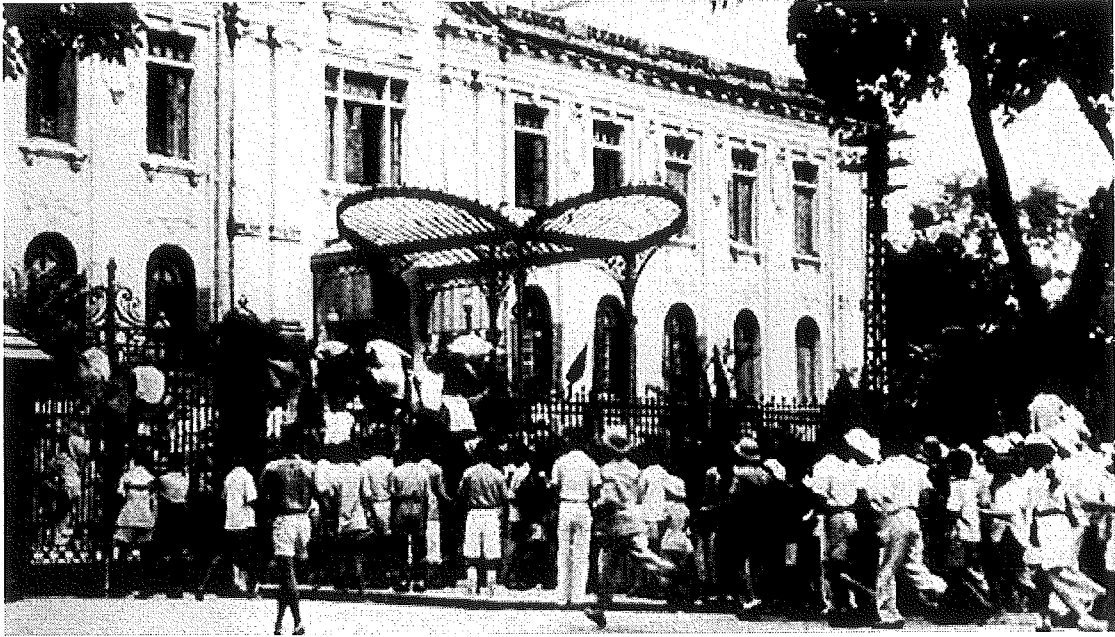
Về đến Pác Bó, Người ngay lập tức bắt tay vào công việc. Ở đây, Người đã trực tiếp gặp Võ Nguyên Giáp lần đầu tiên vào một ngày mùa xuân năm đó. Cuộc gặp gỡ giữa nhà cách mạng lão thành, đã bôn ba khắp năm châu và vị thầy giáo trẻ đầy nhiệt huyết diễn ra trong không khí trang trọng nhưng ấm áp. Người đã nhận thấy ở Võ Nguyên Giáp một tư chất đặc biệt, một tố chất quân sự thiên bẩm. Từ đây, dưới sự chỉ dẫn trực tiếp của Người, Võ Nguyên Giáp bắt đầu dần thân vào con đường quân sự, trở thành một trong những học trò xuất sắc nhất của Người.

Vào năm sau, năm 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên mới là Hồ Chí Minh để hoạt động, với tư cách là đại biểu của phong trào Việt Minh. Cũng trong năm này, Người bị bắt tại phố Túc Vinh (Trung Quốc) do giấy tờ tùy thân quá hạn, phải chịu cảnh giam cầm. Ngày 9 tháng 8 năm 1944, Hồ Chí Minh được trả tự do, trở về hoạt động tại Pác Bó, Cao Bằng.

Đến tháng 12 năm 1944, Hồ Chí Minh gửi một bức thư quan trọng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, đó chính là Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Lực lượng vũ trang cách mạng lớn mạnh từng ngày, báo hiệu một cuộc chuyển mình vĩ đại.

Khi thời cơ lịch sử đến, ngày 18 tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh viết "Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa" gửi quốc dân, đồng bào. Lời kêu gọi vang vọng khắp non sông, thổi

bùng lên ngọn lửa cách mạng đã âm ỉ bấy lâu. Các tỉnh thành trong cả nước đồng loạt khởi nghĩa: chỉ một ngày sau bức thư đó, ngày 19 tháng 8 năm 1945, tổng khởi nghĩa thành công ở Hà Nội; tiếp đó là Huế vào ngày 23 tháng 8 và Sài Gòn vào ngày 25 tháng 8. Chỉ trong một thời gian ngắn ngủi, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành chính quyền thắng lợi trên cả nước, đưa chính quyền cách mạng về tay nhân dân.



Nhân dân và dân quân tự vệ ngày 19/8/1945. Ảnh tư liệu

Và rồi, vào khoảnh khắc thiêng liêng của lịch sử, một ngày mùa thu, ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, hàng vạn đồng bào cả nước tề tựu. Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam), một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Trong lời Tuyên ngôn bất hủ, Người đã trích dẫn những câu bất hủ từ Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp, để khẳng định giá trị phổ quát của quyền con người và quyền dân tộc: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”

Không dừng lại ở đó, Người đã vạch trần tội ác của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam trong suốt gần một thế kỷ, từ việc bóc lột, áp bức đến việc chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Với lập luận đanh thép, Người tuyên bố: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.”

Và cuối cùng, với ý chí sắt đá và tầm nhìn sâu rộng về tương lai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố trước toàn thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”



Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc. Ảnh tư liệu

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Việt Nam, từ thân phận nô lệ, đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đây là hội tụ của ý chí độc lập tự chủ, tự lực, tự cường dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, là thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những tư tưởng đã được vận dụng một cách sáng tạo để "lựa tình thế, chọn thời cơ", đưa ra những quyết sách đúng đắn ở tầm chiến lược, dẫn lối dân tộc đến bình minh tự do.

Khái quát ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

Lời khẳng định ấy không chỉ là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam mà còn là nguồn cổ vũ to lớn cho các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, minh chứng cho sức mạnh phi thường của ý chí độc lập và sự lãnh đạo tài tình của một Đảng cách mạng.

Có thể thấy, hành trình của Người, từ Nguyễn Tất Thành mang khát vọng cháy bỏng ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, đến Nguyễn Ái Quốc tìm thấy chân lý cách mạng ở nước ngoài và thành lập Đảng năm 1930, rồi trở về lãnh đạo đồng bào với tên Hồ Chí Minh vào năm 1941, là một bản anh hùng ca vĩ đại.

Sau hơn ba mươi năm bôn ba, lao tâm khổ tứ, với tầm nhìn chiến lược xuyên thời đại và tài năng kiệt xuất, Người đã không chỉ tìm ra con đường mà còn kiên trì xây dựng lực lượng, chuẩn bị nền tảng vững chắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sự lãnh đạo của Người cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt những năm tháng đầy thử thách, từ những cao trào cách mạng sôi nổi trong nước cho đến khi nắm bắt thời cơ "ngàn năm có một" của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đưa dân tộc Việt Nam vùng lên, giành lại quyền độc lập, tự do. Khoảnh khắc Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử không

chỉ là tuyên bố về sự chấm dứt của ách nô lệ, mà còn là lời mở đầu cho một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nơi nhân dân Việt Nam thực sự làm chủ vận mệnh mình.

Hành trình đi tìm hình của nước đã cho thấy tầm vóc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là ở việc Người đã lựa chọn đúng con đường, mà còn ở khả năng kết nối hiệu quả hoạt động cách mạng ở nước ngoài với phong trào trong nước, khơi dậy sức mạnh tiềm tàng của toàn dân để biến khát vọng độc lập thành hiện thực. Chính sự chuẩn bị chu đáo và khả năng chèo lái xuất chúng ấy đã đưa Việt Nam từ một đêm dài nô lệ bước sang bình minh rực rỡ của độc lập, tự do, một minh chứng hùng hồn cho ý chí quật cường của một dân tộc và trí tuệ của một vị lãnh tụ thiên tài./.

Vương Xuân Nguyên

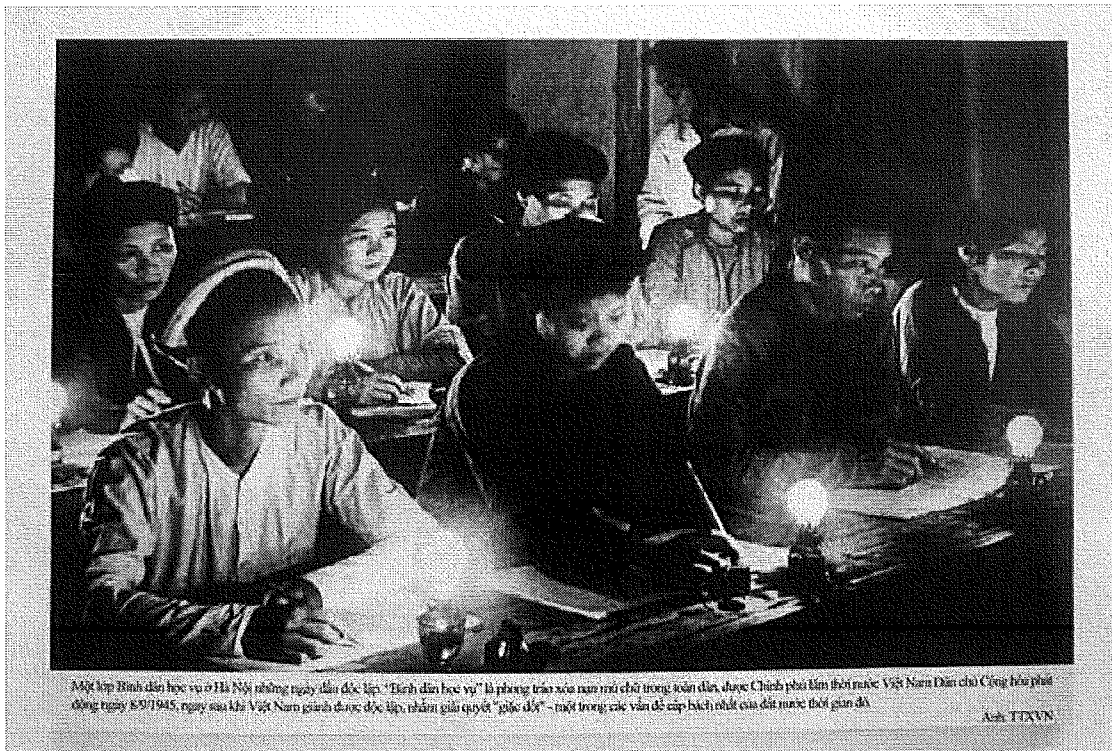
Link nội dung: <https://nongthonvaphattrien.vn/viet-nam-tu-ky-nguyen-doc-lap-tu-do-den-ky-nguyen-vuon-minh-bai-1-tu-bong-dem-no-le-den-binh-minh-doc-lap-a32655.html>

Việt Nam từ “Kỷ nguyên độc lập - tự do” đến “Kỷ nguyên vươn mình”: - Bài 2: Chủ tịch Hồ Chí Minh với 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

Năm 1945, ánh sáng độc lập vừa le lói trên mảnh đất Việt Nam sau hàng thế kỷ chìm trong đêm dài nô lệ. Thế chiến thứ hai kết thúc, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng, nhưng thay vì được hưởng hòa bình, dân tộc Việt lại đối mặt với một bức tranh đầy rẫy hiểm nguy. Thuận lợi có đó: uy tín của Liên Xô được nâng cao, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới như một dòng thác cuộn chảy, và quan trọng nhất, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã mang lại một chính quyền nhân dân non trẻ từ Trung ương đến cơ sở. Toàn dân, sau bao năm lầm than, giờ đây tin tưởng tuyệt đối vào Việt Minh và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Cha già dân tộc, nguyện giữ vững nền độc lập vừa giành được.

Nhà nước non trẻ và những thử thách nghiệt ngã

Ngay sau khi tuyên bố độc lập, đất nước ta đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Ở miền Bắc, nạn đói kinh hoàng do Nhật – Pháp gây ra vẫn chưa được khắc phục, ruộng đất bị bỏ hoang, công nghiệp đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, ngoại thương đình trệ. Tình hình tài chính vô cùng khó khăn. Hơn 90% số dân không biết chữ, và các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại hết sức nặng nề.



Lớp bình dân học vụ ở Hà Nội những ngày đầu độc lập. Ảnh tư liệu

Không chỉ đối mặt với "giặc đói", "giặc dốt", nền độc lập non trẻ còn bị bao vây tứ phía bởi "giặc ngoại xâm" và "nội phản". Theo thỏa thuận của các nước đồng minh ở Hội nghị Potsdam, cuối tháng 8 năm 1945, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch ồ ạt kéo vào miền Bắc từ vĩ tuyến 16 trở ra, mang theo các lực lượng tay sai phản động trong các tổ chức “Việt quốc” và “Việt cách”. Chúng ráo riết thực hiện âm mưu tiêu

diệt Đảng và đánh đổ chính quyền cách mạng. Ở phía Nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh với danh nghĩa giải giáp quân Nhật đã đồng lõa và tiếp tay cho thực dân Pháp quay lại Đông Dương. Đêm 22 rạng sáng 23 tháng 9 năm 1945, được sự giúp sức của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Vận mệnh dân tộc như "ngàn cân treo sợi tóc".

Trước tình hình hiểm nguy đó, Người, với tầm nhìn vượt thời đại và sự lãnh đạo sáng suốt, đã không chút nao núng. Ngay khi về Thủ đô Hà Nội, Người cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch ra những đối sách cấp bách để củng cố chính quyền cách mạng và đối phó với âm mưu, hành động của kẻ thù.

Ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc. Chỉ thị này xác định rõ tính chất của "cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng". Kẻ thù chính của cách mạng lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Khẩu hiệu xuyên suốt là "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết". Chỉ thị cũng nêu ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân cả nước là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Để thực hiện những nhiệm vụ đó, Trung ương đề ra các công tác cụ thể: Về nội chính: Xúc tiến việc bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân; Về quân sự: Động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; Về ngoại giao: Kiên trì nguyên tắc "bình đẳng tương trợ", thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu "Hoa-Việt thân thiện" đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và chủ trương "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế" đối với Pháp.

Trong thời gian ngắn ngủi này, sức mạnh đoàn kết toàn dân đã được thể hiện rạch ròi qua các phong trào do Người và Đảng phát động:

"Diệt giặc đói": Phát động tăng gia sản xuất, nhường cơm sẻ áo, lập hũ gạo cứu đói, bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý khác. Nạn đói đã từng bước được đẩy lùi.

"Diệt giặc dốt": Phát động phong trào bình dân học vụ, mở các lớp học xóa mù chữ, biến hàng triệu người dân từ không biết chữ thành biết chữ, nâng cao dân trí và ý thức làm chủ đất nước.

Đấu tranh với nội phản: Vạch trần và trấn áp các hoạt động phá hoại của các tổ chức phản động tay sai.

Xây dựng chính quyền: Tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội ngày 6 tháng 1 năm 1946 trên toàn quốc, lập nên Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, thể hiện tính chính danh và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.



Cử tri ngoại thành Hà Nội bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội khóa I ngày 06/01/1946.

Ảnh tư liệu

Điểm nhấn của sách lược ngoại giao của Người là quyết định lịch sử ngày 6 tháng 3 năm 1946, khi Người ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp. Một quyết định táo bạo, đầy tính toán để mượn tay Pháp "tổng tiến" quân Tưởng về nước, tránh phải đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù mạnh, đồng thời tranh thủ thời gian vàng ngọc để củng cố lực lượng và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi.

Trước khi lên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, Người đã sắp xếp công việc đất nước vô cùng chu đáo. Người đã trao lại quyền Chủ tịch nước cho cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trong khoảng khắc lịch sử đó, Người đã dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng một câu nói kinh điển, thể hiện trọn vẹn tầm nhìn và nguyên tắc ứng xử của cách mạng Việt Nam: "Dĩ bất biến ứng vạn biến". Lời dặn này có nghĩa là lấy cái không thay đổi (mục tiêu độc lập dân tộc) để đối phó với muôn vàn thay đổi của tình hình, giữ vững nguyên tắc nhưng linh hoạt trong sách lược.

Sau đó, Người đích thân sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau. Dù nhận thấy thiện chí của Pháp rất ít ỏi và hội nghị không đạt được kết quả như mong muốn, Người vẫn kiên trì đấu tranh và ký Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946. Tất cả những nỗ lực ấy đều nhằm kéo dài hòa bình, mặc dù Người biết rõ một cuộc kháng chiến toàn quốc khó tránh khỏi.

Tuy nhiên, dã tâm của Pháp ngày càng bộc lộ rõ. Tháng 11 năm 1946, chúng tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn. Rồi giữa tháng 12, chúng tàn sát đồng bào ta ở các phố Hàng Bún, Yên Ninh (Hà Nội), ngang ngược đòi tước vũ khí của tự vệ Thủ đô. Không thể nhân nhượng hơn nữa, vào 19 tháng 12 năm 1946, từ Vạn Phúc (Hà Đông), Người đã phát đi Lời kêu gọi Toàn quốc Kháng chiến lịch sử. Lời hiệu triệu ngắn gọn, đanh thép nhưng đầy tình yêu nước đã thổi bùng lên ngọn lửa căm thù và ý chí quyết chiến của cả dân tộc: "Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!".



Hình ảnh chiến sỹ cảm tử quân, đoàn viên Thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu ôm bom ba càng, sẵn sàng tiêu diệt xe tăng địch trên đường phố Hà Nội ngày 23/12/1946 mãi mãi là biểu tượng bất tử về cuộc chiến tranh nhân dân, mà ở đó mỗi người dân đều là chiến sỹ và sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

Ảnh: Nguyễn Bá Khoản/Tư liệu TTXVN

Ngay tại thủ đô Hà Nội, dưới sự chỉ đạo của Người và Đảng, quân và dân Thủ đô đã anh dũng bước vào 60 ngày đêm "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" (từ 19/12/1946 đến 17/2/1947). Với vũ khí thô sơ, tinh thần quả cảm, các chiến sỹ Vệ quốc đoàn và tự vệ Thủ đô đã bám trụ từng con phố, từng ngôi nhà, làm tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện quý báu để các cơ quan đầu não kháng chiến và lực lượng quân đội chủ lực rút lên Việt Bắc an toàn, tạo tiềm lực ban đầu cho cuộc kháng chiến trường kỳ.

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp

Đến tháng 3 năm 1947, Việt Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc, là Thủ đô kháng chiến của cả nước. Từ đây, Người và Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo toàn bộ cuộc kháng chiến. Suốt những năm tháng gian khổ sau đó, Người vẫn luôn sát cánh cùng dân tộc, đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Với tầm nhìn xa trông rộng, Người sớm nhận ra vai trò trọng yếu của một quân đội chính quy mạnh. Năm 1948, để khẳng định vị thế và trao quyền lực cao nhất cho người chỉ huy quân đội, Người đã phong quân hàm Đại tướng cho Đồng chí Võ Nguyên Giáp, gửi gắm niềm tin tuyệt đối vào vị tướng tài ba này, giao cho ông trách nhiệm trực tiếp cầm quân để dẫn dắt quân đội ta đến thắng lợi cuối cùng.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Người và Bộ Chính trị, cùng tài thao lược của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, quân và dân ta đã giành nhiều thắng lợi quan trọng:

Nổi bật là Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, khi ta đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của Pháp lên căn cứ địa, phá tan âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch. Chiến thắng này đã bảo vệ vững chắc cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến.



Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đài quan sát mặt trận Đông Khê, Chiến dịch Biên giới, ngày 16/9/1950.

Ảnh: Vũ Năng An

Tiếp đó là Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người và Đại tướng Giáp tại mặt trận, đã khai thông biên giới Việt - Trung, phá thế bao vây của địch, giành quyền chủ động chiến lược và mở ra con đường liên lạc quốc tế.

Rồi đến các chiến dịch ở Đồng bằng Bắc Bộ (Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung – 1951), Chiến dịch Hòa Bình (1951-1952), Chiến dịch Tây Bắc (1952), Chiến dịch Thượng Lào (1953) – mỗi chiến dịch là một bước tiến chiến lược, tiêu hao sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đẩy địch lún sâu vào thế bị động.

Đến năm 1950, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, đặc biệt là sự gia tăng can thiệp của đế quốc Mỹ. Ban đầu, cuộc kháng chiến của chúng ta chủ yếu đối đầu với thực dân Pháp. Tuy nhiên, càng về sau, đặc biệt là từ năm 1950, đế quốc Mỹ đã bắt đầu can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Họ coi cuộc chiến này là một phần của chiến lược toàn cầu chống Cộng sản, và coi Pháp là "tiền đồn" ở Đông Nam Á. Vì vậy, Mỹ đã tăng cường viện trợ tài chính và trang thiết bị quân sự khổng lồ cho Pháp, biến cuộc chiến tranh của Pháp ở Việt Nam thành một "cuộc chiến ủy nhiệm" của Mỹ. Tổng chi phí quân sự của Pháp tại Đông Dương phần lớn (khoảng 80%) đã được Mỹ tài trợ. Hàng trăm nghìn tấn vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ đã đổ vào Việt Nam để duy trì cuộc chiến. Trước tình hình đó, Đại hội II của Đảng (tháng 2 năm 1951) do Người chủ trì, đã xác định nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới.

Chiến dịch Điện Biên Phủ lòng lầy năm châu

Đầu năm 1953, với sự viện trợ ngày càng tăng của Mỹ, Pháp lập ra Kế hoạch Navarre, một nỗ lực cuối cùng nhằm xoay chuyển cục diện chiến trường Đông Dương trong vòng 18 tháng. Mục tiêu của Navarre là tập trung binh lực, xây dựng một khối quân cơ động lớn mạnh để giành lại quyền chủ động, tiến hành các cuộc tấn công lớn nhằm tiêu diệt chủ lực của ta và kết thúc chiến tranh bằng một thắng lợi quân sự quyết định. Trong kế hoạch này, Điện Biên Phủ được chọn làm cứ điểm then chốt để nghiền nát quân chủ lực của ta.

Tuy nhiên, trước sự chỉ đạo chủ động, linh hoạt của Trung ương Đảng và Bộ Tổng Tư lệnh, cùng sự chiến đấu kiên cường, dũng cảm của quân và dân ta, Kế hoạch Navarre ngay lập tức bị phá sản bởi những đòn tiến công chiến lược của ta trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954.



Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp quyết định mở Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ (xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên cuối năm 1953). Ảnh tư liệu

Dưới sự lãnh đạo của Người và Bộ Chính trị, quân và dân ta đã chủ động mở các cuộc tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng, buộc địch phải phân tán lực lượng cơ động để đối phó, làm suy yếu kế hoạch Navarre: Ta mở chiến dịch tiến công Lai Châu, giải phóng hoàn toàn tỉnh này, buộc địch phải tăng cường lực lượng cho Điện Biên Phủ. Quân ta tiến sang Trung Lào, giải phóng phần lớn tỉnh Khăm Muộn và mở rộng vùng giải phóng ở Lào. Tiếp đó, ta tấn công Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia, gây áp lực lớn lên tuyến hành lang chiến lược của Pháp. Cuộc tiến công vào Bắc Tây Nguyên đã giải phóng Kon Tum, buộc địch phải điều quân từ Điện Biên Phủ và các nơi khác xuống để cứu vãn tình thế.

Chính chuỗi các cuộc tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954 này đã làm thất bại âm mưu tập trung binh lực của Navarre, buộc Pháp phải xé lẻ khỏi quân cơ động ra nhiều nơi để đối phó. Đây là những đòn đánh có tính chiến lược, tạo ra một thế trận có lợi, đẩy quân Pháp vào thế bị động, lúng túng trên khắp các chiến trường, mà đỉnh điểm của sự sa lầy chính là việc Navarre phải dồn quân chủ lực lên Điện Biên Phủ, biến nơi đây thành tập đoàn cứ điểm không lờ với mục đích tiêu diệt "chủ lực Việt Minh".

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được thực dân Pháp và đế quốc Mỹ dồn sức xây dựng kiên cố chưa từng có, với 49 cứ điểm chia thành 8 cụm, trang bị hỏa lực mạnh mẽ và hệ thống công sự vững chắc. Với sự hậu thuẫn và viện trợ khổng lồ từ Mỹ, Pháp đã tập trung hơn 16.000 quân tinh nhuệ cùng hàng trăm máy bay, pháo binh hiện đại.

Tướng Navarre và giới quân sự Pháp tự tin tuyên bố Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm", là "cối xay thịt" sẽ nghiền nát chủ lực Việt Minh. Điều này cho thấy, Chiến dịch Điện Biên Phủ không chỉ là cuộc đối đầu giữa Việt Nam và thực dân Pháp, mà còn là cuộc thử lửa với sức mạnh vật chất và ý chí của đế quốc Mỹ đứng đằng sau.

Trong bối cảnh đó, Người đã trao cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp toàn quyền quyết định ở mặt trận, một sự ủy quyền vô cùng lớn lao thể hiện sự tin tưởng tuyệt đối. Trước khi Đại tướng ra chiến trường, Người dặn dò một câu nói lịch sử, thể hiện rõ tầm nhìn và nguyên tắc tối thượng: "Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng, chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh!".



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí trong Bộ Chỉ huy chiến dịch họp bàn kế hoạch tác chiến Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Ảnh tư liệu

Lời dặn dò của Người đã trở thành kim chỉ nam cho quyết định táo bạo nhưng sáng suốt của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ban đầu, Bộ Chỉ huy Chiến dịch dự định "đánh nhanh thắng nhanh" trong 2-3 ngày. Quân ta đã dốc toàn lực, bằng tay và xe thô, kéo pháo lên các vị trí đã định, đưa pháo vào trận địa sẵn sàng khai hỏa. Tuy nhiên, trước tình hình địch có sự thay đổi, công sự chưa vững chắc, và để đảm bảo chắc thắng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đứng trước một quyết định khó khăn bậc nhất trong cuộc đời cầm quân của mình: quyết định kéo pháo ra, chuyển từ phương châm "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Trong khoảnh khắc quyết định lịch sử ấy, Đại tướng đã nhớ như in lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "chắc thắng mới đánh". Dù phải đối mặt với áp lực lớn từ các cán bộ cấp dưới và cả các cố vấn quân sự Trung Quốc lúc bấy giờ, Đại tướng đã kiên quyết bảo vệ và thuyết phục mọi người về sự cần thiết của việc thay đổi phương châm. Ông đã khẳng định rằng, nếu không đảm bảo chắc thắng, chúng ta không thể mạo hiểm xương máu của bộ đội. Chính sự tin tưởng tuyệt đối vào lời dạy của Người, cùng với tầm nhìn chiến lược và sự kiên định của mình, Đại tướng đã biến quyết định "kéo pháo ra" tưởng chừng phi lý thành một bước ngoặt thiên tài, là minh chứng rõ nét cho sự lãnh đạo sáng suốt của Người, ngay cả trong những thời khắc then chốt và khó khăn nhất.

Việc kéo pháo ra khỏi trận địa, rồi lại kéo vào sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, là một kỳ tích của sức người và ý chí. Hàng chục vạn lượt dân công, thanh niên xung phong đã bắt chập bom đạn, mưa rừng, bão lũ, ngày đêm mở đường, kéo pháo, vận chuyển

lượng thực, đạn dược bằng đủ phương tiện thô sơ như xe đạp thồ, gánh bộ. Đó là những ngày mà ý chí Việt Nam đã biến điều không thể thành có thể, với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng".

Chính nhờ sự thay đổi phương châm và ý chí phi thường đó mà quân đội ta có thời gian đào hào, xây dựng trận địa vững chắc, siết chặt vòng vây, và cuối cùng, sau 56 ngày đêm chiến đấu gian khổ (từ 13/3/1954 - 7/5/1954), đã giành được chiến thắng vĩ đại. Quyết định của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, được soi sáng từ tư tưởng của Người, đã đảm bảo an toàn cho quân ta và dẫn đến thắng lợi hoàn toàn, làm nên "thiên sử vàng" Điện Biên Phủ.

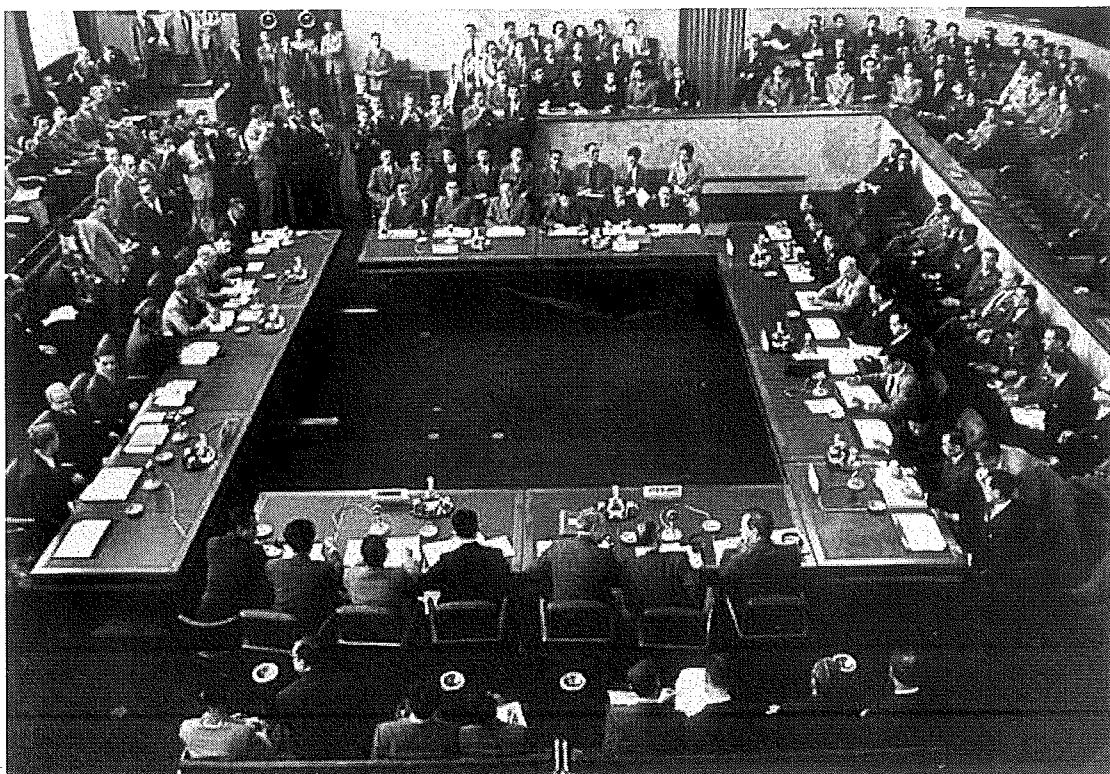


Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Ảnh tư liệu

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" tung bay trên nóc hầm De Castries. Chiến thắng Điện Biên Phủ "lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" không chỉ là thắng lợi quân sự vĩ đại của Việt Nam mà còn là một đòn giáng chí tử vào chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới. Đặc biệt, nó cũng là thất bại nặng nề đầu tiên của một cường quốc phương Tây được Mỹ hậu thuẫn mạnh mẽ trong cuộc chiến chống phong trào giải phóng dân tộc.

Chiến thắng này đã đánh sập hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp, buộc Pháp phải từ bỏ ý định cai trị Việt Nam và mở ra một kỷ nguyên mới cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn cầu. Nhiều nước bị áp bức ở châu Á, châu Phi, và Mỹ Latinh đã lấy chiến thắng Điện Biên Phủ làm nguồn cảm hứng, niềm tin và động lực để đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Tầm vóc quốc tế của chiến thắng này chính là ở chỗ nó đã báo hiệu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ, đồng thời khẳng định tầm vóc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lãnh đạo một dân tộc nhỏ bé đánh thắng một đế quốc lớn với sự hỗ trợ của một siêu cường.

Ngay sau chiến thắng, trên mặt trận ngoại giao, sau hơn 2 tháng đấu tranh gay go, phức tạp, ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Genève về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam và Đông Dương được ký kết. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Người, phái đoàn Việt Nam đã đấu tranh kiên cường trên bàn đàm phán, bảo vệ lợi ích quốc gia. Hiệp định chính thức chấm dứt chiến tranh, buộc các bên tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Lào, Việt Nam, Campuchia.



Hội nghị Geneve 1954 bàn về lập lại hòa bình ở Đông Dương - Ảnh tư liệu

Tuy nhiên, Hiệp định cũng quy định chia Việt Nam thành hai vùng tập kết quân sự tạm thời tại vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải), với hai chính quyền khác nhau ở hai miền, và ấn định tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956. Đây là một sự chia cắt đầy đau lòng và tạm thời, là kết quả của sự dàn xếp của các cường quốc và sự phức tạp của tình hình quốc tế lúc bấy giờ, khi chúng ta phải đối mặt với nhiều áp lực từ bên ngoài. Mặc dù vậy, Hiệp định Genève đã giúp chấm dứt đổ máu, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam, với miền Bắc hoàn toàn giải phóng, trở thành hậu phương vững chắc cho công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước sau này. Non sông tuy chia cắt tạm thời, nhưng độc lập và tự do đã giành được, mở ra một chương mới cho lịch sử dân tộc.

Từ năm 1945 đến 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Cha già dân tộc không chỉ là ngọn cờ đầu mà còn là linh hồn, là kiến trúc sư vĩ đại, đã dẫn dắt dân tộc Việt Nam vượt qua bao thử thách, giành lại độc lập, tự do và đặt nền móng vững chắc cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này. Vai trò của Người là xuyên suốt, là trung tâm của mọi thắng lợi, mãi mãi in đậm trong trái tim mỗi người con đất Việt./

Vương Xuân Nguyên

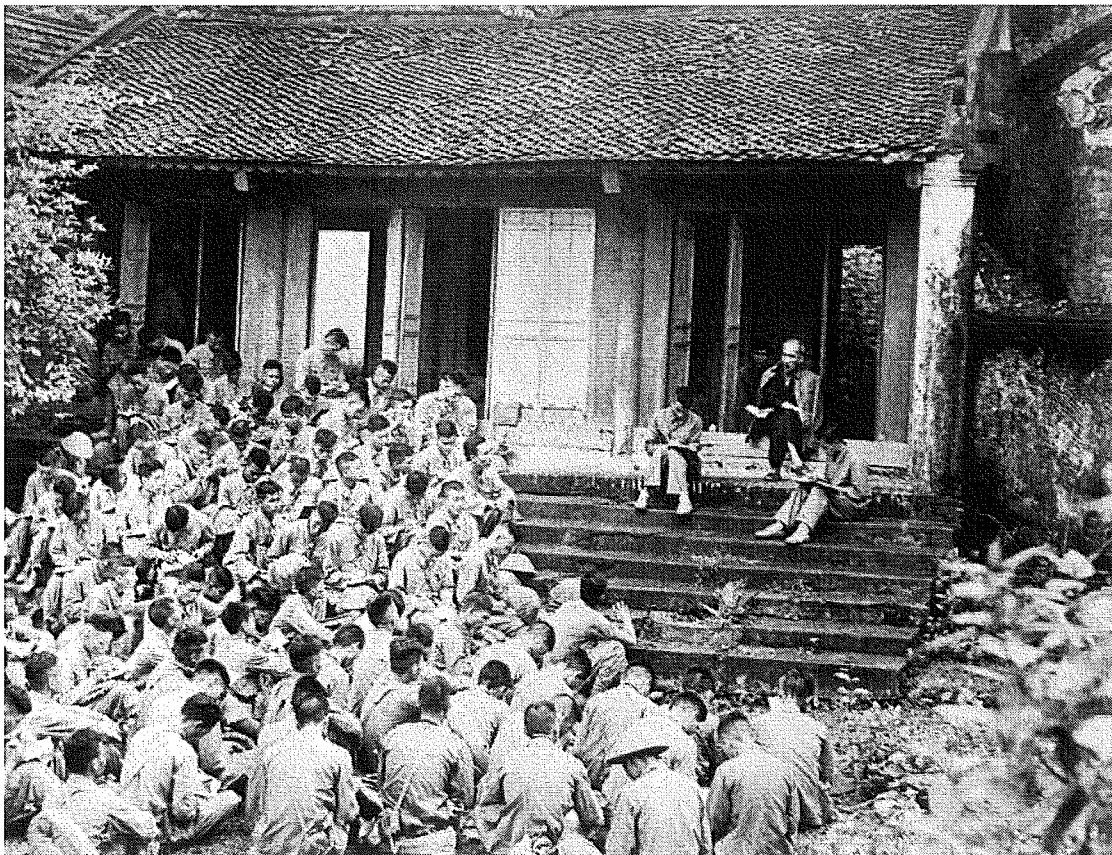
Link nội dung: <https://nongthonvaphattrien.vn/viet-nam-tu-ky-nguyen-doc-lap-tu-do-den-ky-nguyen-vuon-minh-bai-2-chu-tich-ho-chi-minh-voi-9-nam-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-a32670.html>

Việt Nam từ “Kỷ nguyên độc lập - tự do” đến “Kỷ nguyên vươn mình”: - Bài 3: Chủ tịch Hồ Chí Minh linh hồn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

Hà Nội rực rỡ cờ hoa, hân hoan trong ngày giải phóng, nhưng lòng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn mang nặng trĩu những nỗi niềm. Hiệp định Genève vừa ký kết, đất nước chia đôi, dòng Bến Hải nghiệt ngã như vết cửa chia cắt máu thịt anh em. Từ căn nhà nhỏ ở Bắc Bộ Phủ, Người trầm ngâm nhìn ra khoảng sân, nếp nhăn trên trán hằn sâu nỗi lo toan. Người biết rõ, đây không phải là kết thúc, mà là sự khởi đầu cho một cuộc đấu tranh cam go hơn bội phần.

Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng hai miền

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi với đỉnh cao là Điện Biên Phủ đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam: Hòa bình độc lập ở Đông Dương, và đặc biệt, miền Bắc Việt Nam được giải phóng khỏi ách đế quốc. Tuy nhiên, ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã nhanh chóng hất cẳng thực dân Pháp, âm mưu biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, chuẩn bị gây lại chiến tranh, tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các nước xã hội chủ nghĩa.



Bác Hồ nói chuyện với các chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên Phong tại đền Giếng, Đền Hùng, Phú Thọ, ngày 19-9-1954. Ảnh tư liệu

Trước tình hình mới, Người cùng Trung ương Đảng đã vạch ra hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời tiến hành: xây dựng miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa để trở

thành hậu phương vững chắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc - dân chủ - nhân dân trong cả nước. Đây là một đường lối sáng suốt, thể hiện tầm nhìn chiến lược vĩ đại của Người, nhận định đúng bản chất thời cuộc và con đường duy nhất để giải phóng dân tộc. Trong không khí dạt dào niềm vui chiến thắng, miền Bắc được giải phóng, Người cùng Trung ương Đảng và Chính phủ vui mừng về lại Thủ đô. Trên đường về Hà Nội, ngày 19/9/1954, Người ghé thăm Đền Hùng và gặp các cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn Quân Tiên phong chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô. Tại đây, Người đã nói chuyện với các cán bộ và chiến sĩ những lời bất hủ, vang vọng ngàn năm: "... Ngày xưa các vua Hùng đã có công dựng nước, ngày nay bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước..." Lời căn dặn ấy không chỉ là sự nhắc nhở về truyền thống dựng nước và giữ nước mà còn là lời hiệu triệu thiêng liêng về trách nhiệm của thế hệ hiện tại trước vận mệnh dân tộc.

Ngày 11/10/1954, Người về đến Hà Nội. Trong ngày này, Người đã ra lời kêu gọi đồng bào Hà Nội ra sức giữ gìn trật tự an ninh, nhanh chóng ổn định đời sống. Ngày 12/10/1954, Người chủ trì phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ tại Hà Nội, sau 8 năm xa cách thủ đô đi kháng chiến. Sáng 31/12/1954, Người cùng Đoàn đại biểu Đảng, Nhà nước đến đặt vòng hoa tại nghĩa trang liệt sĩ. Mở đầu lễ viếng, Người nói: "Ngày mai là năm mới, là ngày đồng bào và bộ đội vui mừng Chính phủ về Thủ đô. Trong lúc cả nước vui mừng, mọi người đều thương tiếc và nhớ ơn các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, vì dân tộc".

Và rồi ngày 01/01/1955, trên quảng trường Ba Đình lịch sử, 25 vạn đồng bào Hà Nội thay mặt nhân dân cả nước vui mừng đón chào Người và Chính phủ về Thủ đô, đánh dấu một kỷ nguyên mới cho miền Bắc. Sau khi được hoàn toàn giải phóng, miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm "xóa bỏ chế độ người bóc lột người ở nước ta, nhằm đưa lại đời sống no ấm cho toàn dân. Đó là một cuộc cách mạng vĩ đại và vẻ vang trong lịch sử loài người, nhưng đồng thời cũng là một cuộc cách mạng gay go, phức tạp và khó khăn nhất". Người đã nhận định và chỉ ra những thuận lợi, khó khăn, và Người nói: "Những khó khăn tuy to và nhiều, nhưng đều thuộc tính chất tương đối tạm thời. Toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm thì nhất định khắc phục được".



Chủ tịch Hồ Chí Minh (giữa), Đại tướng Võ Nguyên Giáp (thứ 2 từ trái sang) cùng các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ra mắt quốc dân đồng bào trong buổi lễ tại quảng trường Ba Đình ngày 1/1/1955. (Ảnh: TTXVN)

Tháng 7/1955, Hội nghị bàn về sản xuất cứu đói được triệu tập. Tại Hội nghị này, Người đã phân tích sâu sắc nguyên nhân gây ra nạn đói là do chính sách bóc lột và thống trị của bọn đế quốc, phong kiến đối với nhân dân ta. Người nhấn mạnh chính sách của Đảng và Chính phủ lúc này là phải hết sức chăm lo đến đời sống của nhân dân. Người nói những lời thấu tận tâm can: “Nếu dân đói Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân đốt Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi... Nếu dân đói, rét, đốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được”. Lời nói ấy không chỉ thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến đời sống nhân dân mà còn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước.

Cải cách ruộng đất sau năm 1954 ở miền Bắc với mục tiêu xóa bỏ tàn tích của chế độ phong kiến, thực hiện "người cày có ruộng". Tuy nhiên, quá trình thực hiện do thiếu kinh nghiệm thực tiễn dẫn đến một số sai lầm, như quy nhầm thành phần và đấu tố oan uổng. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ đã nghiêm túc nhận trách nhiệm. Tháng 12 năm 1956, Người công khai nhận khuyết điểm và xin lỗi nhân dân tại Quốc hội, thể hiện sự dũng cảm và tinh thần vì dân. Một chiến dịch sửa sai sau đó được triển khai để khắc phục hậu quả, là một bài học lịch sử quý giá về trách nhiệm lãnh đạo.

Trải qua những cuộc vật lộn với bao thử thách, khó khăn nặng nề, miền Bắc dần dần đi vào ổn định, sinh hoạt của nhân dân trở lại bình thường. Trung ương Đảng, đứng đầu là Người, đã tập trung lãnh đạo nhân dân ta ra sức khôi phục kinh tế, nâng cao sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh để ổn định kinh tế và bước đầu thực hiện nâng cao đời sống của nhân dân. Đồng thời Người còn coi việc chấn chỉnh công tác văn hóa xã hội là một trong những nhiệm vụ cấp bách cần phải tiến hành đồng thời với các nhiệm vụ khác. Việc củng cố, chấn chỉnh nền giáo dục phổ thông và đại học, đào tạo đội ngũ cán bộ giáo dục vừa có trình độ chính trị vững vàng, vừa có trình độ chuyên môn khá phải được tiến hành càng sớm càng tốt, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển sự nghiệp đất nước.



Bác Hồ với thiếu nhi và cán bộ miền Nam tập kết ở Hà Nội năm 1956. Ảnh tư liệu

Đặc biệt, với tầm nhìn chiến lược sâu rộng, Người đã chỉ đạo việc đón hàng vạn con em cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Nam ra miền Bắc học tập. Đây không chỉ là một hành động nhân đạo mà còn là một quyết định mang tính chiến lược về đào tạo nhân lực cho tương lai cách mạng. Người muốn chuẩn bị một thế hệ cán bộ tài năng, trung kiên, hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng trở về phục vụ quê hương miền Nam khi thời cơ đến. Những "hạt giống cách mạng" ấy sẽ là lực lượng nòng cốt cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước sau này.

Để động viên nông dân thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, Người đã dành nhiều thời gian đi thăm nhiều cơ sở sản xuất. Dấu chân của Người đã in trên nhiều đồng ruộng miền Bắc. Đến với các nơi, Người thường nói: “Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu CNXH thì phải yêu lao động, vì không lao động thì chỉ là nói suông”. Người luôn nêu gương cần cù, giản dị, lo trước quần chúng, vui sau quần chúng. Trong những năm kháng chiến chống Pháp cũng như sau hòa bình lập lại, khi còn ở trong rừng cũng như lúc về Hà Nội, Người luôn luôn làm việc chăm chỉ, kế hoạch, đúng giờ giấc. Sinh hoạt của Người vẫn giản dị, đơn sơ. Đạo đức và tác phong của Người đã động viên nhân dân ta quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, anh dũng để phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Ngày 14/7/1957, lần đầu tiên kể từ khi rời quê hương, Người về thăm lại quê nhà. Đồng bào trong tỉnh Nghệ An đã đón tiếp Người bằng những tình cảm vô cùng thân mật và đầm ấm. Nói chuyện với đồng bào Nghệ An, Người nói: "Tôi là một người con của tỉnh nhà đã hơn 50 năm xa cách quê hương. Hôm nay là lần đầu tiên trở về thăm quê hương tỉnh nhà. Có thể nói là: Quê hương nghĩa nặng tình sâu - Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình". Gặp gỡ đồng bào, bà con, Người ân cần thăm hỏi sức khỏe, tình hình sản xuất đời sống, căn dặn bà con đoàn kết phấn đấu, không ngừng vươn lên trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Bốn năm sau, ngày 08/12/1961, Người lại một lần nữa về thăm quê hương. Làm việc với Tỉnh ủy Nghệ An, Người căn dặn các đồng chí trong Tỉnh ủy cần quan tâm hơn

nữa đến việc phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, trồng cây công nghiệp.

Công cuộc khôi phục kinh tế ở miền Bắc bắt đầu từ giai đoạn 1955 - 1957 đã cơ bản hoàn thành thắng lợi. Người đã nhận định: "Các cơ sở sản xuất cũ đã được khôi phục, nhiều nhà máy mới đã được dựng lên, mức sản xuất của nhiều ngành đã đạt mức trước chiến tranh. Lương thực đã vượt xa mức đó. Hoạt động kinh tế trong nước trở lại bình thường, hoạt động văn hoá bước đầu phát triển, đời sống nhân dân đã được cải thiện bước đầu".

Sau khi hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế ở miền Bắc, Người lại tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hoá (1958 - 1960). Năm 1959, Người phát động "Tết trồng cây" làm cho đất nước càng ngày càng xuân. Người đặc biệt quan tâm giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, Đảng viên và nhân dân ta. Năm 1958, lấy bút danh là Trần Lực, Người viết tác phẩm "Đạo đức cách mạng". Đồng thời, Người cũng rất chăm lo xây dựng đội ngũ thanh thiếu niên nước ta thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, Người nói: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người".

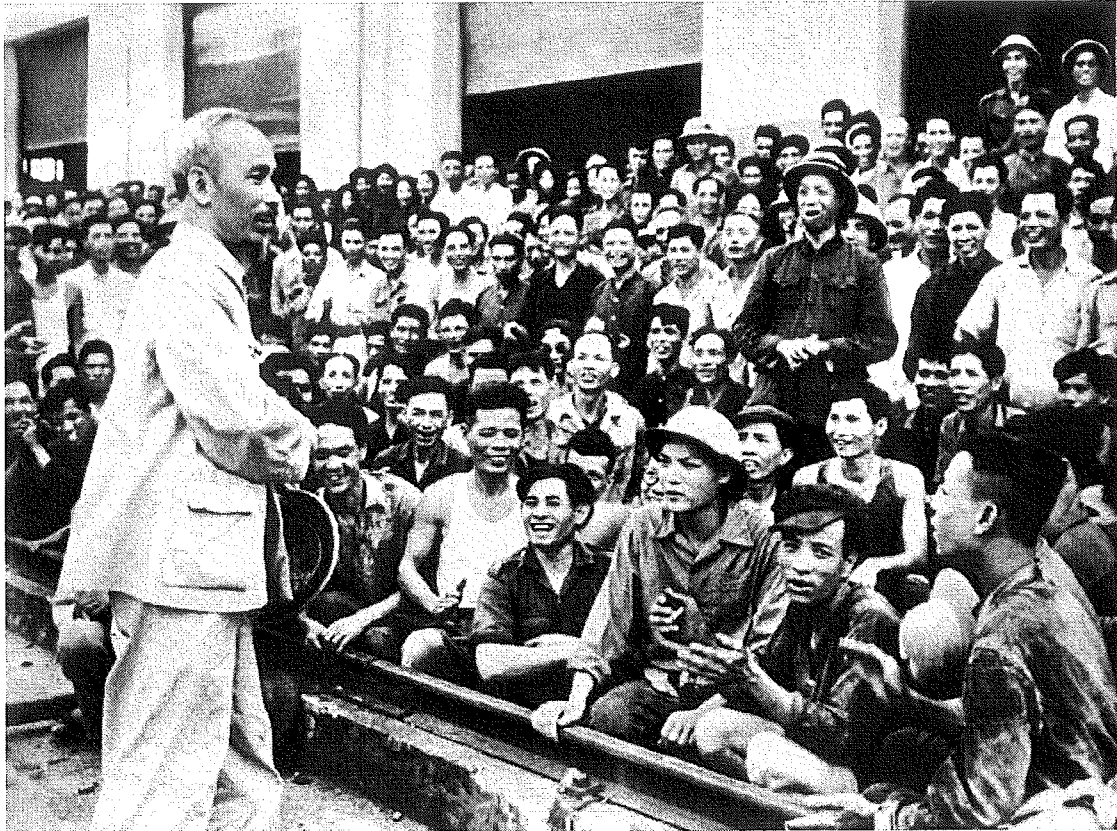


Chủ tịch Hồ Chí Minh trồng cây ở Công viên Thống Nhất, Hà Nội, ngày 11-1-1960. Ảnh: Tư liệu Đầu năm 1960, trong không khí toàn Đảng, toàn dân ta thi đua sôi nổi lập thành tích chào mừng Đảng ta tròn 30 tuổi và đón chào Đại hội Đảng lần thứ III, Người viết bài: “Ba mươi năm hoạt động của Đảng”. Đây là một văn kiện tổng kết lịch sử Đảng ta qua 30 năm đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang.

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ III họp tại Hà Nội. Trong lời khai mạc Đại hội, Người chỉ rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà”. Đại hội đã vạch ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đường lối cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất về phát triển kinh tế - văn hoá theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Người được bầu lại làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần III, nhân dân miền Bắc càng thêm phấn khởi, tin tưởng, cụ thể là ra sức tiến hành ba cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa.

Trong khi miền Bắc vững bước tiến lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, thì ở miền Nam cuộc đấu tranh của đồng bào ta chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai ngày càng phát triển. Nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn của Người đối với cách mạng miền Nam, quân và dân miền Nam đã từng bước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ra sức xây dựng lực lượng, củng cố phong trào, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy xe lửa Gia Lâm ngày 19/5/1955. Ảnh tư liệu

Ngày 06/7/1956, Người gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước kiên quyết đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Bằng những lời lẽ thống thiết, mong muốn nước nhà sớm thống nhất, Người kêu gọi: "Hỡi đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài...nay chúng ta phải đoàn kết thì cuộc đấu tranh chính trị của chúng ta nhất định thắng lợi, nước nhà nhất định thống nhất".

Ngay sau Hiệp định Genève, tình hình miền Nam trở nên cực kỳ phức tạp. Đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định, từ chối tổng tuyển cử, đàn áp dã man những người yêu nước, đặc biệt là những người kháng chiến cũ và gia đình họ. Chúng thực hiện chính sách "tổ cộng, diệt cộng", ban hành Đạo luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam, gây ra những tổn thất nặng nề cho lực lượng cách mạng và nhân dân.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng, đứng đầu là Người, đã nhận định rõ: con đường duy nhất để giải phóng miền Nam là đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị. Đối với miền Nam trong giai đoạn 1954-1960, nhiệm vụ cách mạng được xác định là: tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tức là đánh đổ đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của chủ

nghĩa thực dân mới, xây dựng một chế độ dân chủ tiến bộ, sau đó tiến tới thống nhất đất nước. Đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, đòi hỏi sự kiên cường và hy sinh to lớn.

Nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn của Người đối với cách mạng miền Nam, quân và dân miền Nam đã từng bước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ra sức xây dựng lực lượng, củng cố phong trào, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Ban đầu, phong trào đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị, đòi hỏi thi hành Hiệp định Genève, đòi tự do dân chủ, chống lại các chính sách đàn áp của địch. Nhưng trước sự khủng bố ngày càng tàn bạo của địch, nhiều cuộc nổi dậy tự phát đã nổ ra, cho thấy một sự thay đổi tất yếu trong hình thức đấu tranh. Đỉnh cao của giai đoạn này chính là Phong trào Đồng Khởi ở miền Nam.

Sau những tổn thất nặng nề do chính sách "tổ cộng, diệt cộng", trước yêu cầu bức thiết của cách mạng, tháng 1 năm 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp và ra nghị quyết quan trọng. Nghị quyết này khẳng định con đường cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Đây là một quyết định lịch sử, đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân miền Nam.

Từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, phong trào đấu tranh của quần chúng miền Nam đã chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị, từ giữ vững lực lượng sang thế tiến công, mà tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi. Tháng 1/1960, cuộc Đồng Khởi bùng nổ ở Mỏ Cày, Bến Tre, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Thị Định chỉ huy. Từ Bến Tre, phong trào nhanh chóng lan rộng ra các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ và cả Tây Nguyên. Hàng triệu lượt người đã vùng lên khởi nghĩa, phá tan ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ ở nhiều vùng nông thôn. Nhiều "áp chiến lược" của địch bị phá vỡ, các cơ quan chính quyền Ngô Đình Diệm ở cơ sở bị tê liệt, tan rã.



Phong trào Đồng Khởi bùng nổ tại tỉnh Bến Tre, bắt đầu từ ngày 17/1/1960. Ảnh tư liệu

Phong trào Đồng Khởi đã làm phá sản một mảng lớn chính sách "bình định" của Mỹ - Ngụy, làm rung chuyển tận gốc rễ chính quyền Sài Gòn ở nông thôn, gây ra sự khủng hoảng sâu sắc cho chính quyền Diệm. Từ thế giữ gìn lực lượng, bị động chống đỡ, cách mạng miền Nam đã chuyển hẳn sang thế tiến công, làm thay đổi cục diện chiến trường.

Trong cao trào cách mạng đó, thực hiện chủ trương của Người, ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Mặt trận đã thông qua chương trình hành động gồm 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chế độ độc tài Ngô Đình Diệm nhằm mục đích giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Sự ra đời của Mặt trận đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân yêu nước dưới ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Đội đầu với "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ"

Trước tình hình leo thang chiến tranh ác liệt của đế quốc Mỹ, ngày 27/3/1964, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Chính trị đặc biệt tại Hà Nội. Hội nghị này được ví như "Hội nghị Diên Hồng thứ hai" trong lịch sử dân tộc. Tại đây, Người đã tổng kết 10 năm xây dựng miền Bắc, nhấn mạnh những thành tựu to lớn và những khó khăn, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ chống Mỹ trong tình hình mới, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Người kêu gọi đồng bào miền Bắc "Mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt". Nhờ đó phong trào cách mạng miền Nam đã phá tan cuộc "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Bị thua đau ở miền Nam, Mỹ bắt đầu mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ngày 05/8/1964, chúng liên lần cho máy bay, tàu chiến bắn phá miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Người kêu gọi "lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước. Tất cả chúng ta hãy đoàn kết, nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".



Chiến thuật "trực thăng vận" của Mỹ thất bại nặng nề trong trận Ấp Bắc. Ảnh tư liệu
Ngày 29/6/1966, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng không quân lớn ném bom ở Hải Phòng và Hà Nội, tiến hành cuộc leo thang mới cực kỳ nghiêm trọng. Ngày 17/7/1966,

Người ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". Lời kêu gọi "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đã trở thành kim chỉ nam, là ngọn cờ tập hợp và truyền cảm hứng cho toàn dân tộc. Cùng với toàn quân, nhân dân miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Người, đã đẩy lên phong trào thi đua chống Mỹ cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu với khí thế vô cùng mạnh mẽ.

Hơn thế nữa, Người còn có những dự đoán thiên tài về cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ ra miền Bắc. Ngay từ năm 1965, khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc, Người đã sớm nhận định rằng: "Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B.52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua". Lời dự đoán này không chỉ thể hiện sự thấu hiểu sâu sắc bản chất hiếu chiến của đế quốc Mỹ mà còn là một tầm nhìn chiến lược vĩ đại. Cụ thể hơn, vào cuối năm 1967, đầu năm 1968, trong một cuộc họp Bộ Chính trị, Người đã chỉ thị: "Mỹ sẽ đưa B.52 ra đánh Hà Nội, có thua nó mới chịu thua. Các chú phải nghiên cứu cách đánh B.52". Và tháng 5/1968, Người nhắc lại: "Sớm muộn rồi Mỹ cũng sẽ đưa B.52 ra đánh phá Hà Nội, các chú nên nhớ, trước khi thua ở Việt Nam, Mỹ sẽ đánh Hà Nội, nhưng chúng sẽ thất bại ở đó". Nhờ những dự đoán sớm và chính xác này, quân và dân ta đã có sự chuẩn bị chu đáo về lực lượng, vũ khí, và phương án tác chiến, đặc biệt là xây dựng lưới lửa phòng không nhiều tầng, nhiều lớp để đón đánh máy bay B.52.

Tầm vóc của Người còn thể hiện rõ nét trong đường lối ngoại giao đối ngoại, tranh thủ tối đa sự ủng hộ và nguồn lực quốc tế. Trong bối cảnh thế giới có nhiều phức tạp, đặc biệt là sự mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Người đã khéo léo vận dụng đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa quan hệ để tranh thủ sự giúp đỡ vật chất và tinh thần từ cả hai cường quốc xã hội chủ nghĩa này. Người đã có nhiều chuyến công du, gặp gỡ các nhà lãnh đạo quốc tế, giải thích rõ bản chất cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam, kêu gọi lương tri nhân loại ủng hộ. Những hoạt động này đã giúp Việt Nam nhận được một lượng lớn vũ khí, lương thực, thuốc men và sự hỗ trợ về kỹ thuật, góp phần quan trọng vào việc tăng cường sức mạnh chiến đấu.

Mậu Thân 1968: Cú đấm thép tạo bước ngoặt chiến lược

Toàn bộ quá trình phát triển của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta qua các giai đoạn đã dẫn tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 long trời chuyển đất, mà trong lời chúc tết năm đó, Người đã khẳng định: "Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua". Đây là một dấu ấn lịch sử không thể phai mờ, mang đậm dấu ấn tư duy chiến lược của Người. Dựa trên Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1/1968), khẳng định quyết tâm "thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước", ta đã mở một đòn tấn công bất ngờ và đồng loạt trên khắp các đô thị miền Nam, đặc biệt là Sài Gòn, Huế.

Dù mục tiêu tổng khởi nghĩa chưa hoàn thành, nhưng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã tạo ra những tác động vô cùng to lớn. Cuộc tiến công đánh thẳng vào các trung tâm đầu não của địch, kể cả Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, đã làm chấn động nước Mỹ và thế giới. Nó chứng minh rằng không có nơi nào ở miền Nam là an toàn đối với quân Mỹ và chính quyền Sài Gòn, bác bỏ hoàn toàn những tuyên bố lạc quan về tình hình chiến tranh của giới chức Mỹ.



Quân giải phóng tấn công sân bay Tân Sơn Nhất trong chiến dịch Mậu Thân 1968. Ảnh tư liệu

Mậu Thân 1968 đã phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ. Những hình ảnh khốc liệt và sự thật về cuộc Tổng tiến công đã gây sốc lớn cho công chúng Mỹ. Niềm tin của người dân Mỹ vào cuộc chiến bị lung lay nghiêm trọng, tạo nên một làn sóng biểu tình, phản đối chiến tranh mạnh mẽ chưa từng có. Đây là áp lực chính trị cực lớn buộc chính quyền Mỹ phải thay đổi chính sách.

Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường và áp lực từ dư luận trong nước, Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson đã phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31/3/1968) và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Paris. Điều này đã mở ra cục diện "vừa đánh, vừa đàm", đánh dấu một bước ngoặt chiến lược trong cuộc kháng chiến. Mậu Thân đã giúp cách mạng Việt Nam tranh thủ được sự ủng hộ mạnh mẽ hơn từ các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Nó phơi bày bản chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, khiến nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế và nhân dân yêu chuộng hòa bình đứng về phía Việt Nam, tạo thêm nguồn lực và áp lực quốc tế lên Mỹ. Đây là sự kế thừa và phát huy tầm nhìn ngoại giao của Người.

Giữa cao trào Tổng tiến công và nổi dậy đều khắp của quân và dân ta, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam ra đời. Người coi đó là “một thắng lợi to lớn của chính sách đoàn kết toàn dân chống Mỹ, cứu nước, làm cho bọn Mỹ Nguy càng lộ rõ bộ mặt cướp nước và bán nước của chúng”. Để đáp ứng yêu cầu to lớn của cuộc chiến đấu và nguyện vọng toàn dân, ngày 6/6/1969, các lực lượng yêu nước ở miền Nam đã họp Đại hội đại biểu quốc dân, nhất trí bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn bên cạnh Chính phủ.

Trong bức điện ngày 11/6/1969, thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đã gửi lời chào mừng đến Chính phủ Cách mạng lâm thời và Hội đồng cố vấn. Bị thua đau ở cả hai miền Nam - Bắc, Chính phủ Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phải nói chuyện với đại diện Chính phủ ta và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại hội nghị 4 bên ở Paris. Sau 4 năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta. Người đánh giá: “Thắng lợi đó là thắng lợi của

đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta, thắng lợi của lòng yêu nước nồng nàn và sức mạnh của toàn dân đoàn kết chiến đấu, quyết thắng, thắng lợi của chế độ XHCN tốt đẹp. Đó là thắng lợi chung của quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc. Đó cũng là thắng lợi của nhân dân các nước anh em và bè bạn ta khắp năm châu”.

Di chúc thiêng liêng soi đường cách mạng

Từ bao năm qua, Người luôn dành muôn vàn tình thương yêu cho nhân dân ta ở miền Nam, thể hiện từ việc chăm sóc các cháu thiếu niên nhi đồng tập kết ra Bắc, đến việc vun trồng cây vú sữa của đồng bào miền Nam tặng Người. Người từng rơi lệ những khi nghe tin đồng bào miền Nam bị giặc Mỹ và tay sai giết hại. Người rất xúc động khi ôm hôn những đại biểu đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, tháng 10/1962, Người nói: "Hình ảnh miền Nam yêu quý ở trong trái tim tôi".



Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp các thiếu nhi dũng sĩ miền Nam tại Phủ Chủ tịch năm 1968. Ảnh: TTXVN.

Chưa giải phóng được miền Nam, Người xem như chưa làm tròn nhiệm vụ. Bởi vậy, khi được tin Quốc hội tặng Người Huân chương Sao Vàng, Người đã tỏ lòng biết ơn và đề nghị Quốc hội: "Chờ cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý ấy. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng".

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, Người qua đời, để lại muôn vàn tiếc thương cho toàn dân tộc và bạn bè quốc tế. Tuy nhiên, trước khi ra đi, Người đã để lại một bản Di chúc lịch sử, như một bản tổng kết tư tưởng, một lời căn dặn thiêng liêng cho thế hệ mai sau, chứa đựng những tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi và định hướng lâu dài cho cách mạng Việt Nam đến năm 1975, cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này.

Di chúc khẳng định niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến, bất chấp những khó khăn, gian khổ: "Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn." Người cũng tiên liệu: "Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định

[illegible]

Di chúc chỉ rõ: "Đầu tiên là công việc đối với con người", phải chăm lo đời sống của nhân dân, giải quyết các vấn đề xã hội như thương binh, liệt sĩ, người già yếu, trẻ mồ côi. Người nhấn mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". Đây là định hướng chiến lược lâu dài cho công cuộc tái thiết và phát triển đất nước sau này.

13/17

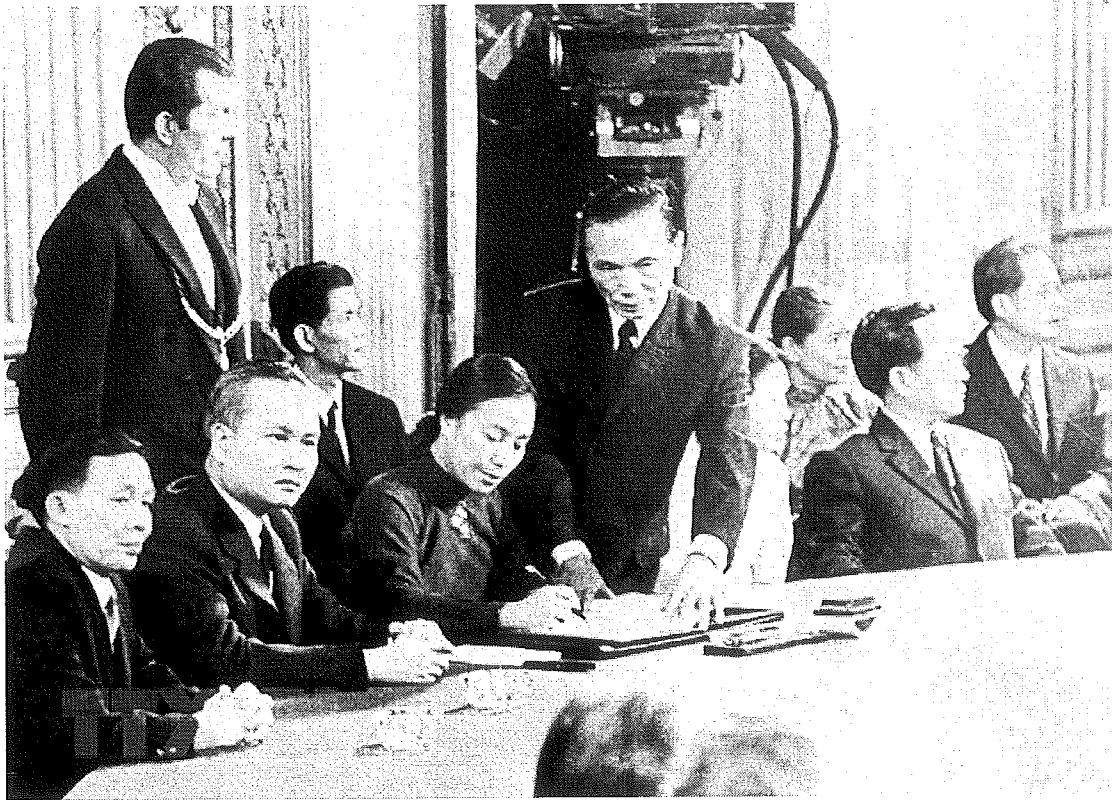


Đơn vị pháo cao xạ bảo vệ Thủ đô đã bắn rơi nhiều máy bay B-52 trong trận 12 ngày đêm. Ảnh: TTXVN

Về đoàn kết quốc tế, Người luôn coi trọng đoàn kết quốc tế, coi đó là một nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Di chúc tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của việc củng cố và phát triển mối quan hệ đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Những lời căn dặn đó của Người đã trở thành nguồn động lực tinh thần vô tận, là kim chỉ nam cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam tiếp tục chiến đấu. Dù không còn được thấy Bác trực tiếp, nhưng tinh thần, tư tưởng, và ý chí độc lập tự chủ của Người đã thấm sâu vào mọi quyết sách, mọi hành động.

Giải phóng miền Nam, thống nhất Đất nước

Sau khi Người mất, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, theo con đường mà Người đã vạch ra, tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến chống lại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ. Những thắng lợi quân sự vang dội tiếp nối, đỉnh cao là Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972 ở Hà Nội và các tỉnh miền Bắc. Chính nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ những dự đoán thiên tài của Người mà quân và dân Hà Nội đã làm nên một "Điện Biên Phủ trên không" vĩ đại, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của Mỹ trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972. Trận thắng này đã chứng minh tính đúng đắn trong tầm nhìn của Bác, và đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris vào tháng 1 năm 1973, chấm dứt chiến tranh xâm lược, và rút hết quân về nước.



Ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã chính thức được ký kết, buộc Mỹ phải rút quân về nước. (Ảnh: TTXVN)

Hai năm sau Hiệp định Paris, với tư tưởng độc lập, tự chủ và tinh thần "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào" mà Người đã định hướng, quân và dân ta đã nắm bắt thời cơ chiến lược. Vào đầu năm 1975, Bộ Chính trị đã nhận định "thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976", đồng thời nhấn mạnh "nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, phải lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

Các chiến dịch lớn đã được triển khai thần tốc: Chiến dịch Tây Nguyên mở màn vào tháng 3 với thắng lợi Buôn Ma Thuột, tạo ra sự sụp đổ dây chuyền của địch; tiếp đó là Chiến dịch Huế - Đà Nẵng giải phóng các thành phố lớn này. Đến ngày 9/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử chính thức bắt đầu. Đây là đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, thể hiện sự vận dụng thiên tài tư tưởng "thần tốc, táo bạo, bất ngờ" của Người. Năm cánh quân lớn của ta với khí thế "tiến như vũ bão" đã đồng loạt mở các mũi tấn công vào Sài Gòn. Từ các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, các binh đoàn chủ lực của ta đã phá vỡ tuyến phòng thủ của địch, tiến vào trung tâm thành phố. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cánh quân và tinh thần chiến đấu dũng cảm, quyết liệt của quân và dân đã làm cho chính quyền Sài Gòn nhanh chóng tan rã.



Quân Giải phóng đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 23 địch tại Buôn Ma Thuột, ngày 11/3/1975. Ảnh tư liệu: TTXVN.

Đúng 10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975, xe tăng của Quân giải phóng húc đổ cổng Dinh Độc Lập. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam kiêu hãnh tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Chính quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử không chỉ là một chiến dịch quân sự đơn thuần mà còn mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc, chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh và thực hiện trọn vẹn mong ước thống nhất đất nước của Người.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là đòn quyết định cuối cùng, kết thúc cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ nhất trong lịch sử Việt Nam, buộc Mỹ phải từ bỏ hoàn toàn âm mưu thống trị miền Nam. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là thắng lợi trọn vẹn, vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam, hiện thực hóa khát vọng cháy bỏng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn dân tộc về một nước Việt Nam độc lập, thống nhất từ Bắc chí Nam. Hình ảnh xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập đã trở thành biểu tượng sống mãi của độc lập và tự do. Nó đã mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội: Với thắng lợi này, dân tộc Việt Nam bước vào một thời kỳ mới, xây dựng và phát triển đất nước trong hòa bình, thống nhất.

Chiến dịch là sự vận dụng sáng tạo và thành công đường lối chiến tranh nhân dân, tư tưởng tiến công thần tốc, táo bạo, bất ngờ, và khả năng nắm bắt thời cơ chiến lược tuyệt vời mà Người đã vun đắp và truyền lại. Mặc dù Người không còn chứng kiến, nhưng tinh thần và tư tưởng của Người đã dẫn lối cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đi đến thắng lợi cuối cùng. Góp phần to lớn vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới: Thắng lợi của Việt Nam đã cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập, đóng góp vào phong trào cách mạng thế giới, làm cho chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ bị lung lay.



Xe tăng của Quân Giải phóng húc đổ cánh cổng tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4. Ảnh tư liệu. TTXVN

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là một dấu son chói lọi, một trong những mùa xuân Đại thắng rực rỡ nhất trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Với kỳ tích này, đã kết thúc trọn vẹn 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Đúng như lời Người đã nói, Tổ quốc Việt Nam đã thống nhất, đồng bào Nam Bắc đã sum họp một nhà.

Thực tế lịch sử đã chứng minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh là linh hồn, là người Cha già vĩ đại đã dẫn dắt cả dân tộc vượt qua mọi gian khó, hy sinh để viết nên trang sử hào hùng nhất của thế kỷ 20, góp phần xây dựng nền hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Tầm vóc của Người không chỉ nằm ở những quyết sách chiến lược, mà còn ở khả năng truyền cảm hứng, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của hàng triệu con người Việt Nam, được cụ thể hóa trong những Nghị quyết mang tính lịch sử của Đảng, cùng với đường lối ngoại giao kiên cường, mềm dẻo và những dự đoán thiên tài về cục diện chiến tranh, cũng như con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này. Tư tưởng, đạo đức và di sản cách mạng vĩ đại mà Người đã để lại cho nhân dân ta, non sông Đất nước ta mãi mãi là ngọn hải đăng soi đường dẫn lối để dân tộc ta vững bước tiến cùng nhân loại tiến vào những kỷ nguyên hòa bình, thịnh vượng và phát triển bền vững./.

Vương Xuân Nguyên

Link nội dung: <https://nongthonvaphattrien.vn/viet-nam-tu-ky-nguyen-doc-lap-tu-do-den-ky-nguyen-vuon-minh-bai-3-chu-tich-ho-chi-minh-linh-hon-cua-cuoc-khang-chien-chong-my-cuu-nuoc-1954-1975-a32731.html>

Việt Nam từ “Kỷ nguyên độc lập - tự do” đến “Kỷ nguyên vươn mình”: - Bài 4: Thập kỷ thử thách, bản lĩnh và bước ngoặt “Đổi mới” (1976 - 1986)

Thập kỷ từ 1976 đến 1986 không chỉ là một giai đoạn bản lĩnh, mà còn là một bài kiểm tra khốc liệt về ý chí và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam sau chiến tranh. Đây là thời kỳ mà non sông vừa thống nhất, nhưng đất nước lại đứng trước muôn vàn khó khăn, từ cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới đến những trở ngại tìm lối thoát cho mô hình kinh tế bao cấp trì trệ. Chính trong gian khó ấy, ánh sáng của tư duy mới đã lóe lên, dẫn đến công cuộc Đổi mới vĩ đại, mở ra một chương hoàn toàn mới cho Việt Nam.

Thông nhất từ bản đồ đến lòng dân

Ngay sau ngày non sông liền một dải, Việt Nam đã nhanh chóng bắt tay vào công cuộc củng cố nền tảng chính trị và xã hội. Chỉ một năm sau ngày giải phóng miền Nam, vào ngày 25/4/1976, hơn 23 triệu cử tri trên khắp cả nước, với tinh thần của những người làm chủ vận mệnh quốc gia, đã nô nức thực hiện quyền công dân của mình. Đây là cuộc Tổng tuyển cử lịch sử bầu Quốc hội khóa VI (1976-1981), Quốc hội chung của cả nước đầu tiên sau thống nhất. Sự kiện chính trị trọng đại này không chỉ đánh dấu bước thắng lợi quyết định trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, mà còn khẳng định ý chí đoàn kết và quyết tâm xây dựng một Việt Nam độc lập, thống nhất.



Hàng vạn nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mít-tinh diễu hành chào mừng ngày bầu cử Quốc hội thống nhất đất nước 23/4/1976. Ảnh tư liệu

Tiếp nối thành công của cuộc Tổng tuyển cử, Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất diễn ra từ ngày 24/6 đến 3/7/1976 tại Hà Nội. Tại kỳ họp lịch sử này, vào ngày 2/7/1976, Quốc hội đã đưa ra những quyết định trọng đại: Chính thức lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thông qua Quốc kỳ nền đỏ, ở giữa có

ngôi sao vàng 5 cánh; Thông qua Quốc huy hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng 5 cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng cưa và dòng chữ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; Xác định Thủ đô là Hà Nội; Chọn bài "Tiến quân ca" làm Quốc ca. Đặc biệt, Quốc hội cũng ra Nghị quyết về việc chính thức đặt tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện lòng tri ân sâu sắc đối với vị lãnh tụ vĩ đại.

Ngày 31/12/1976, một khoảnh khắc đầy xúc động đã diễn ra: hai con tàu mang tên Thống Nhất đồng loạt xuất phát từ ga Hà Nội và ga Sài Gòn, bắt đầu hành trình nối liền Bắc-Nam đầu tiên sau 30 năm gián đoạn vì chiến tranh (từ năm 1936). Sau gần 80 giờ chạy, vào ngày 4/1/1977, cả hai con tàu đã tới đích, hoàn thành sứ mệnh khai thông tuyến đường sắt Bắc-Nam. Đây không chỉ là một kỳ tích về giao thông mà còn là biểu tượng sống động của sự thống nhất, nối liền những trái tim Việt Nam từ Bắc vào Nam.

Bối cảnh quốc tế và thách thức với công cuộc tái thiết đất nước

Sau những mốc son thống nhất ban đầu, Việt Nam bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quen thuộc với cái tên "thời kỳ bao cấp", được áp dụng rộng rãi. Dù hai kế hoạch 5 năm (1976-1980 và 1981-1986) được triển khai với mục tiêu phục hồi sản xuất, nhưng thực tế lại phũ phàng: nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ nghiêm trọng. Sản xuất đình đốn, mất cân đối trầm trọng, năng suất lao động thấp đến mức báo động, và cuộc sống của người dân thì thiếu thốn trăm bề. Hàng hóa khan hiếm, phân phối chủ yếu qua tem phiếu, tạo nên một bức tranh xã hội đầy ảm đạm và thử thách.



Cảnh mua bán tại một quầy hàng mậu dịch Nhà nước. Ảnh tư liệu

Trên trường quốc tế, thế giới vẫn bị chi phối bởi cuộc đối đầu Mỹ - Liên Xô, nhưng một yếu tố mới đã làm thay đổi cục diện: sự rạn nứt sâu sắc giữa Trung Quốc và Liên Xô. Mỹ, với chính sách ngoại giao đầy thực dụng của Tổng thống Nixon, đã "phá băng" quan hệ với Trung Quốc từ đầu thập niên 1970, tạo ra một liên minh ngầm nhằm kiềm chế Liên Xô. Trong bối cảnh địa chính trị phức tạp ấy, Việt Nam, vừa bước ra từ cuộc chiến tranh trường kỳ, đứng trước áp lực tái thiết khổng lồ. Với sự chia rẽ Trung - Xô, Việt Nam buộc phải ngả hẳn về phía Liên Xô. Việc gia nhập Hội đồng Tương trợ Kinh tế (COMECON) năm 1978 và ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác cùng năm đã mang lại nguồn viện trợ kinh tế và quân sự sống còn. Tuy nhiên, cái giá phải trả là Việt

Nam bị coi là "đồng minh của Liên Xô", góp phần vào sự đối đầu với Trung Quốc và bị cô lập với phương Tây. Mối quan hệ Việt - Trung, vốn là đồng chí trong chiến tranh, đã nhanh chóng xấu đi sau năm 1975 do va chạm lợi ích địa chính trị và bất đồng về khu vực Đông Dương.

Hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới: Tây Nam và phía Bắc

Không chỉ vật lộn với khó khăn nội tại và bối cảnh quốc tế phức tạp, Việt Nam còn phải đứng vững trước những cuộc xung đột vũ trang ở cả hai đầu biên giới, chứng tỏ bản lĩnh kiên cường của một dân tộc vừa giành độc lập.



Các lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia cùng Quân tình nguyện Việt Nam tiến vào giải phóng Phnôm Pênh trưa 7.1.1979. Ảnh: TTXVN.

Ở biên giới Tây Nam, từ năm 1977, tập đoàn diệt chủng Pol Pot (Khmer Đỏ) ở Campuchia liên tục gây ra những hành động xâm lấn, tàn sát dã man người dân Việt Nam. Để bảo vệ chủ quyền, tính mạng của nhân dân, và đáp lại lời kêu gọi khẩn thiết của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, Quân tình nguyện Việt Nam đã tiến vào Campuchia và cùng lực lượng cách mạng Campuchia lật đổ chế độ Pol Pot vào ngày 7/1/1979. Hành động nhân đạo này, vừa là tự vệ chính đáng, vừa là nghĩa cử cao đẹp nhưng lại bị một số nước phương Tây và Trung Quốc lên án. Việt Nam kiên quyết phản đối lập luận sai trái này và tiếp tục ở lại Campuchia đến năm 1989, hỗ trợ hồi sinh đất nước này và ngăn chặn sự quay trở lại của Khmer Đỏ.



Xe tăng địch bị quân ta đánh lật nhào trong đợt 17/2/1979. Ảnh: Mạnh Thường/TTXVN

Chưa kịp dứt điểm cuộc chiến ở Tây Nam, Việt Nam lại phải đối mặt với một thử thách cam go khác: cuộc Chiến tranh biên giới phía Bắc bùng nổ vào ngày 17/2/1979, khi Trung Quốc đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới hai nước. Cuộc chiến ngắn nhưng vô cùng khốc liệt, gây ra thiệt hại nặng nề cho các tỉnh biên giới phía Bắc. Dù Trung Quốc rút quân vào ngày 16/3/1979, nhưng những vết sẹo của cuộc chiến và tình trạng đói đầu vẫn còn dai dẳng trong nhiều năm sau đó.

Vòng vây cấm vận và tình đồng chí khắp năm Châu

Trong bối cảnh địa chính trị vô cùng phức tạp, Việt Nam phải đối mặt với lệnh cấm vận thương mại nặng nề từ Hoa Kỳ và các nước phương Tây. Lệnh cấm vận này, vốn đã có từ thời chiến, càng siết chặt hơn sau sự kiện Campuchia, khi phương Tây và Trung Quốc cùng vận động cô lập Việt Nam trên trường quốc tế. Việc này bao gồm hạn chế thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển, và phong tỏa tín dụng, đẩy Việt Nam vào vòng xoáy đói nghèo, lạc hậu. Chúng ta bị gạt ra khỏi các thể chế tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Ngay cả các nước ASEAN cũng thể hiện sự lo ngại và hợp tác với các cường quốc để đối phó với Việt Nam trong vấn đề Campuchia.

Tuy nhiên, Việt Nam không hề đơn độc! Giữa vòng vây cô lập, đất nước vẫn nhận được sự đồng hành, giúp đỡ chí tình từ nhiều quốc gia bạn bè trên thế giới, thể hiện tình đoàn kết quốc tế và ý chí vươn lên mãnh liệt của dân tộc.

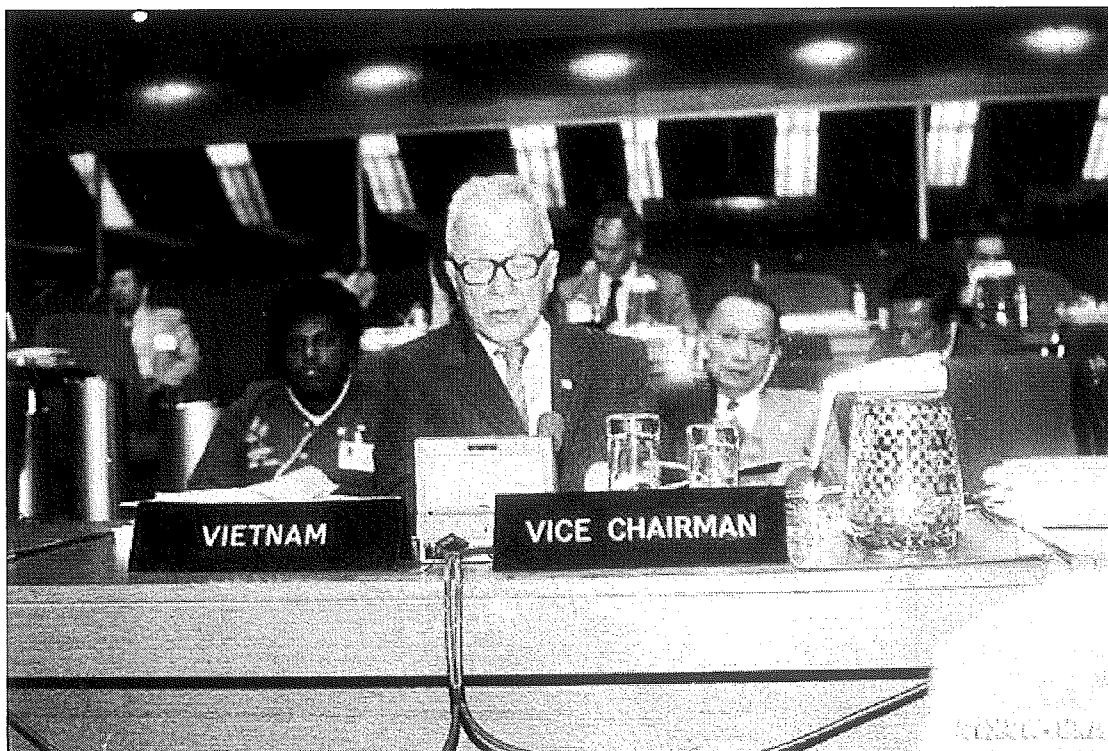
Việt Nam – Lào – Campuchia: Mối quan hệ gắn bó keo sơn được củng cố qua Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào (tháng 7/1977). Với Campuchia, Việt Nam đã cử lực lượng quân tình nguyện lớn và hỗ trợ tái thiết sau khi lật đổ chế độ Pol Pot.



Nhà máy Thủy điện Hoà Bình- Công trình do Đảng và Nhà nước Liên Xô trước đây hỗ trợ xây dựng, là biểu tượng cho tình hữu nghị Việt Xô, là tấm lòng quý báu của nhân dân Liên Xô dành cho Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước sau chiến tranh. Ảnh tư liệu

Liên Xô và Đông Âu là mối quan hệ cung cấp nguồn lực sống còn cho Việt Nam. Liên Xô viện trợ hàng tỷ USD mỗi năm, giúp Việt Nam xây dựng các công trình trọng điểm mang tính biểu tượng như Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Thủy điện Trị An, Cầu Thăng Long, Nhà máy Xi măng Bim Sơn. Các nước Đông Âu cũng đóng góp vào công nghiệp nhẹ và y tế. Sự hỗ trợ này giúp Việt Nam khôi phục sản xuất, xây dựng hạ tầng, đào tạo nhân lực và đảm bảo quốc phòng trong giai đoạn gian khó nhất. Ngày 19/6/1981, Hiệp định liên Chính phủ Việt Nam và Liên Xô về việc thành lập Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Việt-Xô đã được ký kết. Đây là một quyết định có tầm nhìn chiến lược, đặt nền móng và góp phần quyết định sự phát triển của ngành dầu khí nước ta. Từ đó, Vietsovpetro đã trở thành biểu tượng hợp tác kinh tế quan trọng. Vào ngày 26/6/1986, Vietsovpetro đã khai thác tấn dầu thô đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ, mở ra kỷ nguyên mới cho ngành năng lượng Việt Nam.

Dù cũng đối mặt cấm vận, Cuba vẫn kiên định viện trợ, giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình như Khách sạn Thắng Lợi, Trại bò giống Ba Vì, Bệnh viện Việt Nam-Cuba (Đồng Hới). Tình cảm chân thành ấy được gói gọn trong câu nói bất hủ của Chủ tịch Fidel Castro: "Vì Việt Nam, Cuba sẵn sàng hiến dâng cả máu mình".



Việt Nam tham gia Phong trào Không liên kết ngày 26/8/1976. Ảnh tư liệu

Ngày 26/8/1976, tại Hội nghị cấp cao Phong trào Không liên kết lần thứ 5 ở Colombo (Sri Lanka), Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Phong trào. Sự kiện này là một bước đi chiến lược quan trọng, khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam, không tham gia vào bất kỳ khối quân sự nào trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Phong trào không liên kết là một diễn đàn lý tưởng để Việt Nam thể hiện chính sách "đa phương hóa, đa dạng hóa" quan hệ quốc tế, không phụ thuộc hoàn toàn vào một khối hay một cường quốc nào. Trong giai đoạn bị cấm vận và đối mặt với sự lên án từ một số nước về vấn đề Campuchia, Phong trào không liên kết giúp Việt Nam tập hợp lực lượng, tìm kiếm sự đồng cảm và ủng hộ chính trị từ các quốc gia cùng cảnh ngộ (đa số là các nước đang phát triển từng là thuộc địa). Các thành viên Phong trào không liên kết đã thể hiện sự ủng hộ chính trị kiên định đối với Việt Nam.

Ấn Độ là quốc gia thể hiện sự ủng hộ chính trị kiên định, đặc biệt trong vấn đề Campuchia. Với vai trò quan trọng trong Phong trào Không liên kết, Ấn Độ đã giúp Việt Nam tập hợp lực lượng và giảm bớt áp lực cô lập. Về kinh tế, Ấn Độ cung cấp 300.000 tấn lúa mì viện trợ khẩn cấp, giúp Việt Nam giải quyết vấn đề an ninh lương thực. Đặc biệt, Ấn Độ là một trong những quốc gia đầu tư sớm nhất vào Việt Nam sau năm 1975, thể hiện niềm tin vào tiềm năng của Việt Nam dù đang bị cấm vận.

Một sự kiện ngoại giao quan trọng đã diễn ra vào ngày 20/9/1977: Việt Nam chính thức gia nhập Liên Hợp Quốc, trở thành quốc gia thành viên thứ 149 của tổ chức lớn nhất hành tinh này. Việt Nam đã chuyển mình mạnh mẽ, từ một nước cần sự hỗ trợ để tái thiết, đến nay đã trở thành đối tác ngày càng tích cực, chủ động, đóng góp thực chất vào các hoạt động của Liên Hợp Quốc.



Lễ thượng cờ Việt Nam tại trụ sở Liên hợp quốc năm 1977. Ảnh tư liệu

Ở khu vực Mỹ Latinh và Châu Phi, nhiều quốc gia vừa giành độc lập như Nicaragua, Angola đã thể hiện sự ủng hộ chính trị này là vô cùng quan trọng, giúp Việt Nam giảm bớt áp lực từ sự cô lập. Ở Trung Đông, Iraq cung cấp dầu mỏ dưới dạng vay nợ vào thời điểm Việt Nam thiếu thốn năng lượng trầm trọng.

Đặc biệt nhiều quốc gia Bắc Âu như Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan đã dành hàng trăm triệu đô la Mỹ viện trợ không hoàn lại (tới 91% tổng viện trợ) từ năm 1975 đến 1978, góp phần quan trọng khắc phục hậu quả chiến tranh.

Bước ngoặt “Đổi mới” lịch sử và ánh sáng Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chính những khó khăn chồng chất về kinh tế - xã hội, sự bế tắc của mô hình kế hoạch hóa tập trung, Đảng ta đã thẳng thắn đề ra con đường “Đổi mới” Đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng diễn ra từ ngày 27 đến 31/3/1982 có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội này đã phản ánh những tư duy đổi mới của Đảng đang được hình thành, báo hiệu một sự chuyển mình lớn lao. Sự thay đổi tư duy này cuối cùng đã dẫn đến quyết định Đổi mới vĩ đại tại Đại hội Đảng lần thứ VI vào tháng 12/1986.

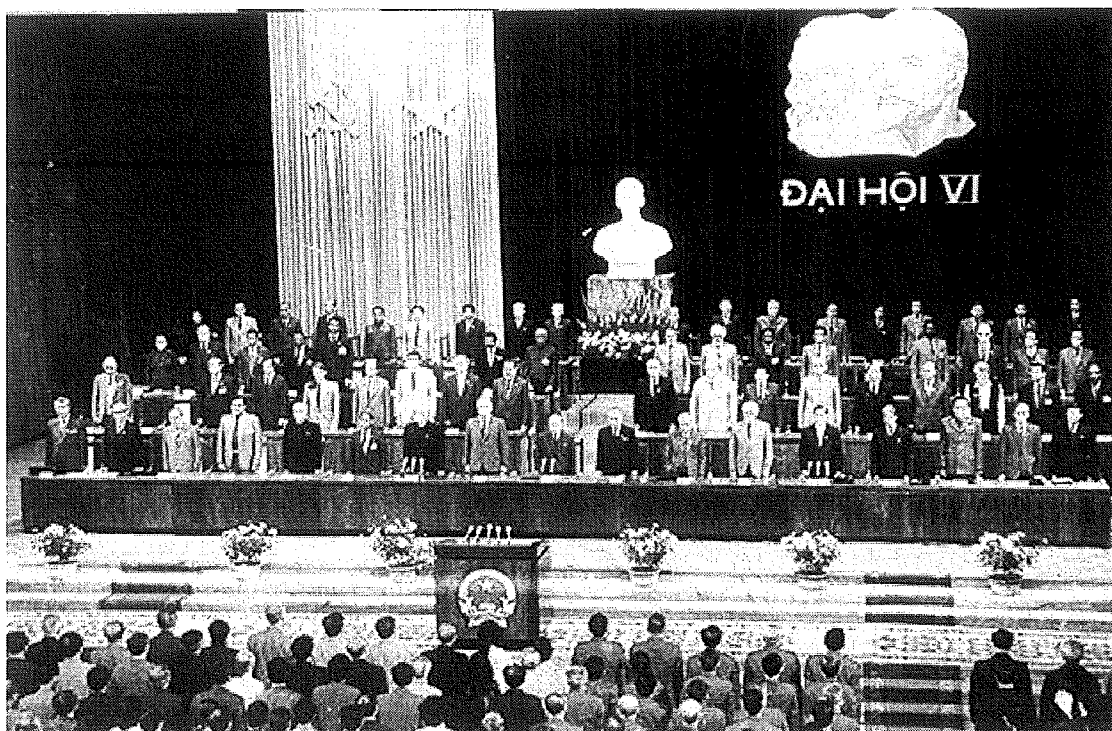
Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn này, tư tưởng Hồ Chí Minh đã không ngừng được soi rọi và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, trở thành kim chỉ nam định hướng cho đường lối Đổi mới:

Thấm nhuần tinh thần "lấy dân làm gốc", "vì dân": Khi nền kinh tế bao cấp khiến đời sống nhân dân kiệt quệ, Đảng đã nhìn nhận lại, đối chiếu với tư tưởng "com no áo ấm" cho nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quyết định Đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, cùng các chính sách như Khoán 100, Khoán 10 trong nông nghiệp, chính là sự vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng sức lao động, phát huy quyền làm chủ và sự sáng tạo của nhân dân, nhằm nâng cao đời sống cho người dân.

Tôn trọng thực tiễn, không giáo điều: Tư tưởng "thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý" của Hồ Chí Minh đã được vận dụng mạnh mẽ. Những sai lầm trong mô hình bao cấp đã buộc chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá khách quan tình hình để tìm ra con đường đúng đắn, dũng cảm từ bỏ những quan niệm cũ không còn phù hợp.

Phát triển tư tưởng đối ngoại "Độc lập – Tự chủ" và "Thêm bạn bớt thù": Việc nhận ra sự phụ thuộc quá mức vào Liên Xô và những hệ quả tiêu cực đã dẫn đến sự phát triển tư duy đối ngoại Hồ Chí Minh. Đại hội VI khẳng định đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, sẵn sàng "làm bạn với tất cả các nước" trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Đây là sự vận dụng sáng tạo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu và linh hoạt trong quan hệ với các cường quốc, tránh đối đầu không cần thiết.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại: Nhận thức rõ xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Đại hội VI đã khẳng định cần tranh thủ tối đa các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài (vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý) để phục vụ công cuộc xây dựng đất nước, đúng như tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc kết hợp nội lực và ngoại lực.



Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Ảnh tư liệu.

Thập kỷ 1976-1986 là một thập kỷ đầy cam go và thử thách, nhưng cũng là giai đoạn mà Việt Nam đã kiên cường vượt qua khó khăn, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, đồng thời thể hiện bản lĩnh và trí tuệ để tìm ra con đường phát triển phù hợp. Những chủ trương Đổi mới táo bạo tại Đại hội VI năm 1986 không chỉ là lời giải cho những bế tắc của giai đoạn trước, mà còn là ánh sáng soi đường, đặt nền móng vững chắc cho những thành tựu rực rỡ của Việt Nam trong những thập kỷ tiếp theo. Những kinh nghiệm quý báu từ giai đoạn này, đặc biệt là việc liên tục soi chiếu và vận dụng linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh vào từng hoàn cảnh cụ thể, tiếp tục được vận dụng và phát huy hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay./.

Vương Xuân Nguyên

Link nội dung: <https://nongthonvaphattrien.vn/viet-nam-tu-ky-nguyen-doc-lap-tu-do-den-ky-nguyen-vuon-minh-bai-4-thap-ky-thu-thach-ban-linh-va-buoc-ngoat-doi-moi-1976-1986-a32788.html>

Việt Nam từ “Kỷ nguyên độc lập - tự do” đến “Kỷ nguyên vươn mình”: - Bài 5: Việt Nam hành trình đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững (1986 - đến nay)

Gần 40 năm kể từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 12/1986, công cuộc Đổi mới đã trở thành hành trình vĩ đại, biến Việt Nam từ một quốc gia đứng trước bờ vực khủng hoảng thành một nền kinh tế năng động và có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Đây là minh chứng rõ ràng cho ý chí và năng lực của một dân tộc kiên cường, không ngừng học hỏi và đổi mới.

Vượt qua khủng hoảng và đặt nền móng hội nhập (1986 - 1995)

Giai đoạn mở đầu của Đổi mới là cuộc chiến sinh tồn để thoát khỏi tình trạng kinh tế suy kiệt và phá vỡ thể bao vây, cấm vận. Việt Nam khi đó chìm trong khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng với lạm phát phi mã lên tới 774,7% (năm 1986), sản xuất đình trệ, hàng hóa khan hiếm và đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Thêm vào đó, việc bị bao vây cấm vận kinh tế cùng với thiếu hụt viện trợ quốc tế đã làm tình hình thêm phức tạp.



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với các đại biểu dự Đại hội Đảng VI - Đại hội "Đổi mới" của Việt Nam, diễn ra tại Hà Nội từ ngày 15-18/12/1986, với chủ đề: "Hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để". Ảnh: TTXVN

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, "kiến trúc sư trưởng" của Đổi mới. Đại hội VI của Đảng đã thể hiện sự dũng cảm và quyết tâm đổi mới tư duy, kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Ông đã khơi dậy tinh thần "dám nghĩ, dám làm" từ cơ sở, đặc biệt là từ TP. Hồ Chí Minh, để tiến tới những quyết sách mang tính đột phá: "cởi trói" cho sản xuất, khuyến khích

kinh tế nhiều thành phần, và ưu tiên phát triển nông nghiệp để giải quyết vấn đề lương thực cấp bách.

Những thành công mang tính sống còn: Kiểm chế lạm phát từ mức ba con số xuống một con số, ổn định kinh tế vĩ mô; Việt Nam từ nước nhập khẩu lương thực đã tự túc và bắt đầu xuất khẩu gạo từ năm 1989, chấm dứt nạn đói kinh niên; Ban hành Luật Đầu tư nước ngoài (1987), thu hút những dòng vốn FDI đầu tiên, tạo tiền đề quan trọng cho phát triển.



Ngày 11/7/1995, Việt Nam và Hoa Kỳ tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Ảnh TTXVN
Đặc biệt, trong giai đoạn này, Việt Nam bình thường hoá quan hệ với các nước lớn và chủ động mở rộng hội nhập quốc tế. Sau khi bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991), dấu mốc quan trọng là việc Hoa Kỳ dỡ bỏ cấm vận thương mại vào tháng 2/1994. Tiếp đó, vào tháng 7/1995, Hoa Kỳ và Việt Nam chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao, mở ra cơ hội lớn cho hợp tác kinh tế và đối ngoại.



Ngày 28/7/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN. Ảnh: TTXVN

Gia nhập ASEAN vào năm 1995, đã đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của Việt Nam với khu vực và khởi đầu kỷ nguyên hội nhập mới. Dù nền kinh tế còn non yếu và thể chế kinh tế thị trường còn sơ khai, việc vượt qua khủng hoảng và đặt nền móng là thành công mang tính sống còn, tạo tiền đề vững chắc cho các giai đoạn phát triển sau này.

Đẩy mạnh Công nghiệp hóa, Hiện đại hoá Đất nước (1996 - 2010)

Sau khi thoát khỏi khủng hoảng, Việt Nam bước vào giai đoạn tăng tốc phát triển, đặt mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Thách thức lớn nhất là làm sao để nâng cao năng lực cạnh tranh khi Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn, đặc biệt sau tác động của khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998.

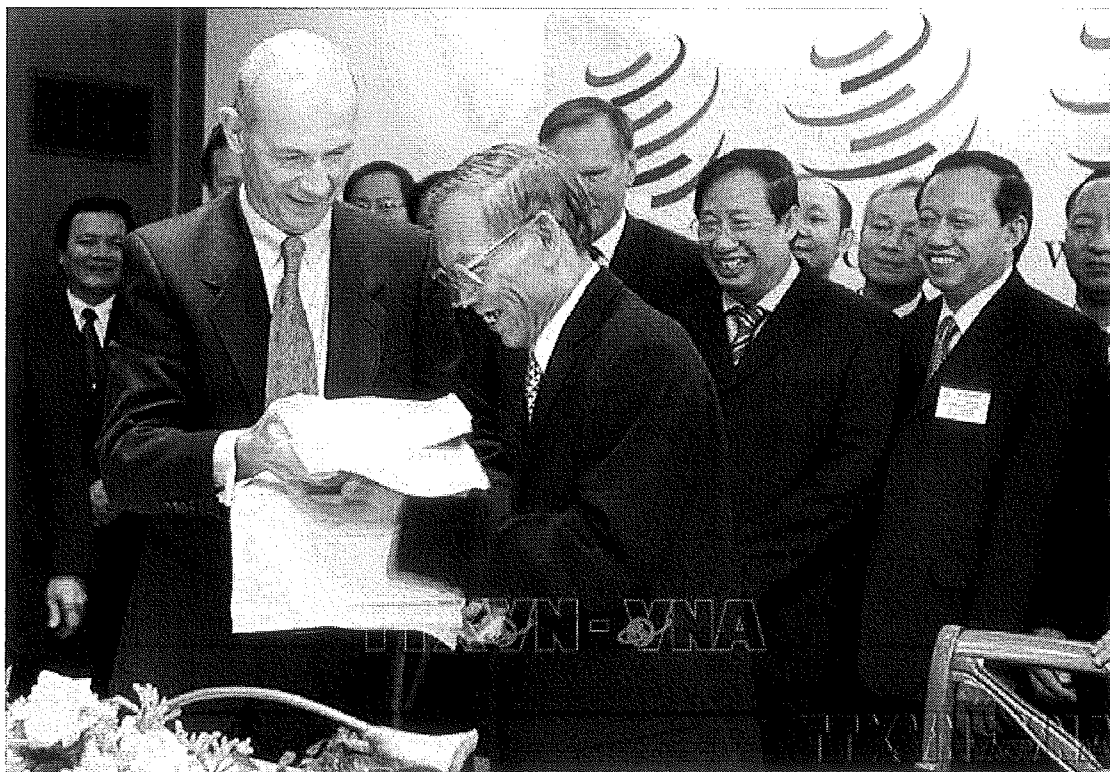
Giai đoạn này tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Các nhà lãnh đạo chủ chốt như Thủ tướng Võ Văn Kiệt ("tổng công trình sư" của nhiều dự án chiến lược như đường dây tải điện 500kV Bắc – Nam) và Thủ tướng Phan Văn Khải ("kiến trúc sư" của quá trình hội nhập, với việc ban hành Luật Doanh nghiệp 1999 "cởi trói" cho kinh tế tư nhân) đã có những đóng góp quan trọng.



Thủ tướng Võ Văn Kiệt chỉ đạo thi công đường dây 500kv Bắc - Nam. Ảnh tư liệu.

Mục tiêu là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển các ngành dịch vụ và công nghiệp chế biến, chế tạo, đồng thời tích cực chuẩn bị tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu quan trọng. Những thành tựu nổi bật trong giai đoạn này: (1) Tốc độ tăng trưởng GDP cao: Bình quân 7-8%/năm, giúp Việt Nam chính thức trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp vào năm 2010 (khoảng 1.160 USD/người); (2) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng nhanh chóng, đạt khoảng 170 tỷ USD vào năm 2010; (3) Xóa đói giảm nghèo ấn tượng: Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% (1993) xuống dưới 10% (2010), cải thiện rõ rệt đời sống cho hàng triệu người.

Sau khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ năm 1995, quan hệ song phương tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Năm 2001, Việt Nam ký kết Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ (BTA), mở ra cơ hội lớn cho thương mại và đầu tư. Đỉnh cao là việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007, khẳng định cam kết hội nhập sâu rộng. Việt Nam còn đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN lần đầu tiên (2010) và tổ chức Hội nghị Cấp cao APEC 2006.



Ngày 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Ảnh: TTXVN

Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng vẫn chưa bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào tài nguyên và lao động giá rẻ. Các vấn đề như ô nhiễm môi trường, khoảng cách giàu nghèo, tham nhũng và lãng phí bắt đầu bộc lộ, đòi hỏi những cải cách mạnh mẽ hơn.

Hội nhập sâu rộng và khẳng định vị thế (2011 - 2024)

Giai đoạn này chứng kiến Việt Nam tập trung vào chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững và khẳng định vai trò, vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Bối cảnh toàn cầu đầy biến động (khủng hoảng tài chính, biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị, đại dịch COVID-19) đặt ra áp lực lớn về tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong hơn 10 năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật và mang tính nền tảng: (1) Phòng, chống tham nhũng quyết liệt: Với phương châm "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", đã củng cố niềm tin của nhân dân; (2) Ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng ấn tượng: Việt Nam duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định. Tính đến 12/2024, quy mô GDP ước đạt 476,3 tỷ USD (thứ 4 ASEAN, thứ 34 thế giới). Tăng trưởng GDP cả năm 2024 ước khoảng 6,0 - 6,5%. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 4.700 USD, lạm phát được kiểm soát thành công ở mức 3,63%; (3) Thương mại bứt phá: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD (tăng 15,4%), xuất siêu 24,77 tỷ USD. Đặc biệt, thặng dư thương mại với Hoa Kỳ đạt 123,5 tỷ USD, kỷ lục, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thặng dư thương mại lớn thứ ba với Hoa Kỳ; (4) Thu hút FDI kỷ lục: Vốn FDI thực hiện ước đạt khoảng 25,35 tỷ USD (tăng 9,4%), là mức giải ngân cao nhất từ trước đến nay; (5) Đổi mới sáng tạo: Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) tiếp tục thăng hạng, xếp thứ 44/133 quốc gia vào năm 2024; (6) Phát triển con người: Tỷ lệ nghèo đa chiều toàn quốc năm 2024 là 4,06% (giảm 1,65%). Chỉ số Phát triển Con người (HDI) năm 2023 đạt 0,766, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có mức phát triển con người cao.

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

- NGƯỜI ĐỊNH HÌNH ĐƯỜNG LỐI
"NGOẠI GIAO CÂY TRE"



Đặc biệt trong giai đoạn này, Việt Nam từng bước nâng tầm vị thế đối ngoại. Công tác đối ngoại được đẩy mạnh theo đường lối ngoại giao "cây tre", đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng và nâng tầm vị thế quốc tế. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia và quan hệ đối tác kinh tế, thương mại với hơn 230 quốc gia/vùng lãnh thổ. Đặc biệt, việc nâng tầm quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện với nhiều cường quốc và đối tác quan trọng, bao gồm: Trung Quốc (2008), Nga (2012), Ấn Độ (2016), Hàn Quốc (2022), Hoa Kỳ (9/2023), Nhật Bản (11/2023), Australia (03/2024), Pháp (10/2024), Malaysia (11/2024), New Zealand (02/2025), Indonesia (03/2025), Singapore (03/2025) và Thái Lan (05/2025) đã củng cố vững chắc vị thế đối ngoại của Việt Nam, tạo một mạng lưới đối tác tin cậy rộng lớn. Giai đoạn này đã tạo ra một nền tảng vững chắc về kinh tế vĩ mô ổn định, một khung khổ pháp lý và thể chế dần được hoàn thiện, cùng một vị thế quốc tế được nâng cao. Đây là cơ sở quan trọng để giai đoạn tiếp theo có những điều kiện thuận lợi hơn để thực hiện các chiến lược cấu trúc lại và phát triển đột phá.

Kỷ nguyên vươn mình và phát triển đột phá toàn diện

Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng và Cách mạng công nghiệp 4.0 (AI, công nghệ số) bùng nổ, Việt Nam đang đứng trước thời điểm "hội tụ" các lợi thế để tạo ra bước đột phá. Lịch sử cách mạng đã chứng minh khả năng tạo nên kỳ tích khi ý Đảng hòa quyện với lòng dân, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường.

Trước yêu cầu lịch sử đó, ngay khi trên cương vị người lãnh đạo cao nhất của Đảng vào tháng 8 năm 2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã xác định tầm nhìn và định hình những chính sách chiến lược về "Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc". Đây không chỉ là một khái niệm mà là tầm nhìn chiến lược cho giai đoạn phát triển đột phá toàn diện của Việt Nam.

Theo Tổng Bí thư Tô Lâm, đây là thời kỳ mà toàn dân tộc sẽ phát huy tối đa nội lực, tự tin vượt qua mọi thách thức để xây dựng thành công một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, và vững vàng sánh vai với các cường quốc. Đại hội XIV của Đảng là điểm khởi đầu cho "Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc" dựa trên nền tảng vững chắc của gần 40 năm Đổi mới.



Tổng Bí thư Tô Lâm đã xác định tầm nhìn và định hình những chính sách chiến lược về “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

Để hiện thực hóa khát vọng này, Tổng Bí thư Tô Lâm đã đưa ra bảy định hướng chiến lược quan trọng, được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động và quyết sách mạnh mẽ, đặc biệt là những thay đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025.

1. Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng: Để nâng cao năng lực lãnh đạo, đảm bảo Đảng là người cầm lái vĩ đại, đưa đất nước tiến lên mạnh mẽ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: Thực hiện nghiêm phương thức lãnh đạo, tránh bao biện hoặc buông lỏng. Tinh gọn bộ máy, hợp nhất các cơ quan, phân định rõ vai trò lãnh đạo và quản lý. Đổi mới nghị quyết theo hướng ngắn gọn, thực chất, khả thi, tạo động lực cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Xây dựng chi bộ vững mạnh, nâng cao chất lượng sinh hoạt. Đổi mới kiểm tra, giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, xử lý nghiêm tham nhũng, tiêu cực.

2. Tăng cường tính Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa: Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần liên tục được hoàn thiện nhằm thể chế hóa đường lối của Đảng, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người và quyền công dân. Để đạt mục tiêu này, cần đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp với các giải pháp: chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng khuyến khích sáng tạo, phát triển; bảo đảm luật có tính ổn định, ngắn gọn, quy định nguyên tắc, giao Chính phủ, địa phương xử lý các vấn đề linh hoạt; đổi mới quy trình xây dựng và thực thi pháp luật, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính; kiểm soát quyền lực, chống tiêu cực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; chủ động xây dựng hành lang pháp lý cho các vấn đề mới như chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh... tạo đột phá phát triển đất nước.

3. Tinh gọn tổ chức bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Công tác tinh giản biên chế, gắn với vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa triệt để, gây cản trở phát triển, làm gia tăng thủ tục hành chính, lãng phí nguồn lực và làm lỡ thời cơ phát triển đất nước. Để khắc phục, cần tiếp tục xây dựng bộ máy Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết. Cần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát rõ ràng trách nhiệm giữa các cấp. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế kiểm

tra, giám sát để nâng cao tính chủ động và tự cường của địa phương. Tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 18 để làm cơ sở cho những quyết sách đổi mới mạnh mẽ về công tác tổ chức cán bộ trong thời gian tới.

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội quy định 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh chính thức đi vào hoạt động với cơ cấu đã sắp xếp. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) quy định thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp (tỉnh và xã), với 3.321 đơn vị hành chính cấp xã trên cả nước. Cơ cấu tổ chức HĐND và UBND cấp xã cũng được tinh gọn và chuyên môn hóa, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động. Cũng từ ngày 01/7/2025, các luật sửa đổi liên quan đến tổ chức TAND và VKSND có hiệu lực, sắp xếp lại TAND thành 3 cấp (Tối cao, cấp tỉnh, và khu vực), tăng thẩm quyền xét xử sơ thẩm cho TAND khu vực và bổ sung quy định về Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế, thể hiện sự hoàn thiện thể chế tư pháp.

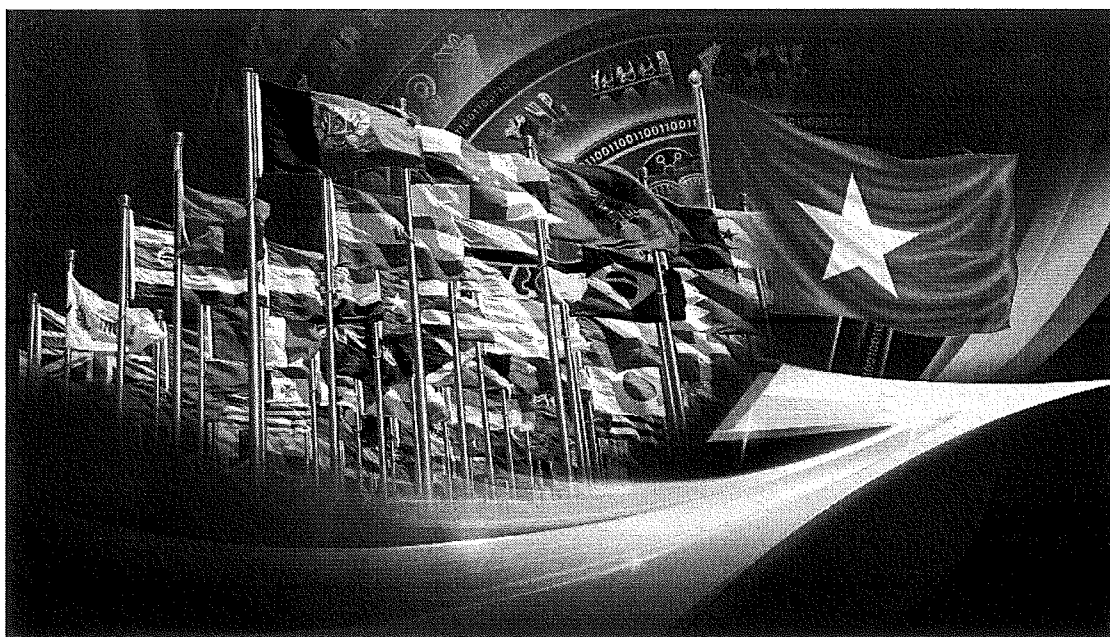
4. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện: Tập trung xây dựng hành lang pháp lý cho phát triển số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... đảm bảo khung pháp lý không trở thành rào cản của sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức. Mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số.

5. Quyết liệt chống lãng phí: Xác định lãng phí là mối nguy hại nghiêm trọng, ngang tầm với tham nhũng. Đẩy mạnh phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Ban hành quy định của Đảng để nhận diện, chiến lược quốc gia, quy định của pháp luật và thực thi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công theo tinh thần “xử lý một vụ cảnh tỉnh cả vùng cả lĩnh vực”. Rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Hoàn thiện các quy định xử lý hành vi lãng phí; các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; thể chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ trong chuyển đổi để giảm thiểu lãng phí. Giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn; các ngân hàng thương mại yếu kém. Sớm hoàn thành cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”.

6. Xây dựng đội ngũ cán bộ chất lượng cao: Đảm bảo cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu. Đổi mới mạnh mẽ công tác

tuyên dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được. Tăng cường tự đào tạo, tự bồi dưỡng, nhất là đối với yêu cầu của chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trên cơ sở phân định rõ người dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung với người phiêu lưu, liều lĩnh, viển vông, không thực tế; bảo vệ đối với những trường hợp nguy cơ rủi ro, sai sót từ sớm, ngay khi có kế hoạch, không để muộn chí. Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thử thách đối với các đồng chí là nhân sự được quy hoạch tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, bảo đảm lựa chọn ra được cấp ủy, nhất là người đứng đầu có năng lực lãnh đạo, có sức chiến đấu cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì sự nghiệp chung, có năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trên từng lĩnh vực, địa bàn.

7. Đột phá mạnh mẽ về kinh tế: Nhận diện rõ nguy cơ tụt hậu, bẫy thu nhập trung bình (năng suất lao động giảm, phụ thuộc FDI vào xuất khẩu sản phẩm giản đơn, rào cản thể chế). Giải pháp đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, nguồn lực trong dân, phát triển khoa học và công nghệ đồng bộ, thông suốt, tất cả vì sự phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội của đất nước và phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội là ưu tiên cao nhất. Tập trung xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mà Cương lĩnh của Đảng đã xác định (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, do nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng Cộng sản lãnh đạo). Tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất. Khởi xướng và thực hiện cách mạng chuyển đổi số. Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển.



Việt Nam khát vọng vươn mình.

Những định hướng chiến lược nêu trên, đã được cụ thể hóa qua "bộ tứ trụ cột" chính sách tạo nên khung lý luận và hành động cho mô hình phát triển mới của Việt Nam: (1) Nghị quyết số 66-NQ/TW về Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật: Thúc đẩy chuyển đổi căn bản tư duy xây dựng pháp luật từ "quản lý" sang "phục vụ" và "kiến tạo", biến pháp luật thành công cụ kích thích phát triển, khuyến khích sáng tạo, và bảo vệ quyền tự do kinh doanh; (2) Nghị quyết số 57-NQ/TW về Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Khẳng định vai trò của KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là phương thức sản xuất mới và động lực chính. Ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao và chiến lược như AI, bán dẫn, vật liệu và năng lượng mới nhằm nâng cao năng suất và chuyển dịch lên các khâu giá trị gia tăng cao hơn; (3) Nghị quyết số 68-NQ/TW về Phát triển kinh tế tư nhân: Khẳng định vai trò trụ cột của kinh tế tư nhân, với các chính sách cụ thể nhằm nuôi dưỡng và hỗ trợ (ví dụ: mục tiêu 2 triệu doanh nghiệp hoạt động, các ưu đãi về thuế, đất đai, nguồn vốn). Đây là giải pháp chiến lược để khơi thông mọi nguồn lực xã hội, đặc biệt khi số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường đạt kỷ lục 197.900 năm 2024; (4) Nghị quyết số 59-NQ/TW về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới: Đề ra định hướng hội nhập quốc tế một cách chủ động, toàn diện và thực chất, coi đây là điều kiện bắt buộc để nâng cao nội lực và sức cạnh tranh quốc gia, tiếp cận công nghệ, thị trường và tri thức toàn cầu. Tầm quan trọng của giai đoạn hiện tại và triển vọng tương lai

Giai đoạn hiện tại là cực kỳ quan trọng bởi nó là sự tổng hòa và tiếp nối những thành tựu của gần 40 năm Đổi mới, đồng thời là bước chuyển mình quyết liệt để giải quyết những thách thức còn tồn tại và nắm bắt cơ hội mới. Sự "chuyển động đồng pha" mạnh mẽ và nhất quán giữa Đảng, Quốc hội và Chính phủ, thể hiện qua các quyết sách và luật mới có hiệu lực từ 1/7/2025, tạo niềm tin vững chắc vào khả năng bứt phá của Việt Nam. Mặc dù bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, nền kinh tế Việt Nam đã ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực. GDP 6 tháng đầu năm 2025 tăng 7,52%, mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Vốn FDI thực hiện đạt 11,72 tỷ USD (tăng 8,1%) và tổng vốn FDI đăng ký đạt hơn 21,5 tỷ USD (tăng gần 33%), mức cao nhất kể từ năm 2009.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là giai đoạn tổng hòa những thành tựu của gần 40 năm Đổi mới, là thời điểm để đất nước tận dụng mọi lợi thế, giải quyết triệt để những điểm nghẽn còn tồn tại và bứt phá mạnh mẽ. Đây là lời hiệu triệu toàn dân tộc phát huy tối đa nội lực, kết hợp với các quyết sách táo bạo và đồng bộ (như "bộ tứ trụ cột" nghị quyết và các cải cách lớn có hiệu lực từ 1/7/2025), nhằm hiện thực hóa khát vọng xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vững vàng sánh vai với các cường quốc, và đạt mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc chính là động lực mạnh mẽ để Việt Nam khẳng định vị thế và tạo nên những kỳ tích mới trong thời đại Hồ Chí Minh./.

Vương Xuân Nguyên

Link nội dung: <https://nongthonvaphattrien.vn/viet-nam-tu-ky-nguyen-doc-lap-tu-do-den-ky-nguyen-vuon-minh-bai-5-viet-nam-hanh-trinh-doi-moi-hoi-nhap-va-phat-trien-ben-vung-1986-den-nay-a32807.html>